



## ETS 1000\_RC TEST 3

### PART 5

101. York Development Corporation marked the ----- of the Ford Road office complex with a ribbon-cutting ceremony.

- (A) opens
- (B) opening**
- (C) opened
- (D) openly

**Tạm dịch:**

Tập đoàn phát triển York đánh dấu sự **khai trương** của khu phức hợp văn phòng Ford Road qua buổi lễ cắt băng khánh thành.

**Phân tích:** Đã có đủ chủ ngữ (York Development Corporation), động từ (marked), vị trí cần điền là danh từ. Câu A-opens (động từ), câu C-opened (động từ quá khứ) và câu D-openly (trạng từ), vì vậy đáp án đúng là câu B-opening.

102. Staff at the Bismarck Hotel were ----- helpful to us during our stay.

- (A) quite**
- (B) enough
- (C) far
- (D) early

**Tạm dịch:**

Nhân viên tại khách sạn Bismarck thì giúp đỡ chúng tôi **khá nhiều** trong suốt thời gian ở đây.

**Phân tích:** câu A-quite (khá) là đáp án đúng do là phó từ có nghĩa phù hợp. Trong khi đó mặc dù câu B-enough (đủ), câu C-far (xa) và câu D-early (sớm) đều là phó từ nhưng không hợp nghĩa với ngữ cảnh của câu.

103. Ms. Luo will explain some possible consequences of the ----- merger with the Wilson-Peek Corporation.

- (A) proposed**
- (B) proposal
- (C) proposition
- (D) proposing

**Tạm dịch:**

Bà Luo sẽ giải thích những hậu quả có thể xảy ra của việc sáp nhập **đã được đề xuất từ trước** với Tập đoàn Wilson-Peek.

**Phân tích:** Do “merger (sáp nhập)” là danh từ nên phía trước sẽ cần một tính từ mang nghĩa bị động để bổ nghĩa, do đó đáp án đúng là câu A-proposed (được đề xuất), câu B-proposal (sự đề nghị, đề xuất), câu C-proposition (lời xác nhận), câu D-proposing (đề xuất-tính từ chủ động)

104. The Springdale supermarket survey ----- will be released a week after they are evaluated.

- (A) events
- (B) stores
- (C) results**
- (D) coupons

**Phân tích:** Xét về nghĩa, đáp án đúng là câu C-results (kết quả), câu A-events (những sự kiện), câu B (nhiều cửa hàng) và câu D-coupons (những phiếu mua hàng).



**Tạm dịch:**

**Kết quả** khảo sát siêu thị Springdale sẽ được phát hành một tuần sau khi chúng được đánh giá.

105. The new printer operates more ----- than the previous model did.

- (A) quickest
- (B) quickness
- (C) quick
- (D) quickly**

**Tạm dịch:**

Máy in mới vận hành nhanh hơn so với mô hình cũ đã làm.

**Phân tích:** Đối với so sánh hơn, giữa more và than cần điền phó từ nên câu D-quickly (một cách nhanh chóng) là đáp án đúng, còn lại câu A-quickest (nhANH NHẤT), câu B-quickness (sự nhanh nhẹn) và câu C (tính từ).

106. Here at Vanguard Buying Club, ----- help members find quality merchandise at the lowest possible prices.

- (A) us
- (B) our
- (C) we**
- (D) ourselves

**Tạm dịch:**

Tại Câu lạc bộ mua hàng Vanguard, **chúng tôi** sẽ hỗ trợ các thành viên tìm hàng hóa chất lượng ở mức giá thấp nhất có thể.

**Phân tích:** Trước động từ “help” cần một chủ ngữ chỉ người, như vậy đáp án phù hợp nhất là câu C-we (chúng tôi), câu A-us (tân ngữ) đứng sau động từ, câu B-our (chúng tôi) đứng trước danh từ, câu D-ourselves (chính chúng tôi) đứng một mình hoặc theo sau “by”

107. Management announced that all salespeople would be receiving a bonus this year, ----- in time for summer vacations.

- (A) just**
- (B) as
- (C) only
- (D) by

**Tạm dịch:**

Ban quản lý đã thông báo rằng tất cả nhân viên bán hàng sẽ nhận được tiền thưởng trong năm nay, **vừa** đúng vào kỳ nghỉ hè.

**Phân tích:** câu A-just (vừa đúng, kịp lúc), câu B-as (vì, khi), câu C-only (chỉ khi) và câu D-by (bằng). Do đó đáp án đúng dễ hiểu là câu A

108. According to Florida Digital Designer Magazine, many graphic designers do not consider ----- to be traditional artists.

- (A) it
- (B) their
- (C) themselves**
- (D) itself

**Phân tích:** Cấu trúc consider + SB/ST to be SB/ST. Do chủ ngữ (many graphic designers) là số nhiều nên câu A-it và câu D-itself bị loại, câu B-their (của họ) theo sau phải là danh từ, nên đáp án đúng là câu C-themselves (chính họ).



**Tạm dịch:**

Theo tạp chí Florida Digital Designer, nhiều nhà thiết kế đồ họa không xem **chính họ** như là những nghệ sĩ truyền thống.

109. A wooden bridge crossing the wading pond ----- to the hotel's nine-hole golf course.

- (A) prepares
- (B) leads**
- (C) presents
- (D) takes

**Tạm dịch:**

Một cây cầu gỗ bắc qua ao cạn **dẫn đến** sân golf chín lỗ của khách sạn.

**Phân tích:** câu B-leads (dẫn đến) là đáp án đúng khi xét về nghĩa, các câu còn lại không phù hợp. Câu A-prepares (chuẩn bị), câu C-presents (trình bày, thể hiện) và câu D-takes (mang theo, đem theo).

110. A special sale on stationery ----- on the Write Things Web site yesterday.

- (A) was announced**
- (B) announced
- (C) was announcing
- (D) to announce

**Tạm dịch:**

Giảm giá đặc biệt cho các văn phòng phẩm **đã được thông báo** trên trang web Write Things hôm qua.

**Phân tích:** Câu này phải dùng quá khứ bị động vì chủ ngữ là vật và sự việc đã xảy ra rồi. Đáp án đúng sẽ là câu A-was announced (đã được thông báo).

111. All produce transported by Gocargo Trucking is refrigerated ----- upon pickup to prevent spoilage.

- (A) lately
- (B) promptly**
- (C) potentially
- (D) clearly

**Tạm dịch:**

Tất cả các sản phẩm được vận chuyển bởi công ty Gocargo Trucking được làm lạnh **ngay lập tức** khi lấy hàng để tránh hư hỏng.

**Phân tích:** câu B-promptly (ngay lập tức) có nghĩa phù hợp nhất, câu A-lately (mới đây), câu C-potentially (có khả năng), câu D-clearly (rõ ràng)

112. The Ferrera Museum plans to exhibit a collection of Lucia Almeida's most ----- sculptures.

- (A) innovative
- (B) innovation
- (C) innovatively
- (D) innovate**

**Tạm dịch:**

**Phân tích:** Câu A-innovative (đổi mới) là đáp án đúng vì sau most -so sánh nhất ta dùng tính từ, **câu B-innovation** (N), câu C-innovatively (adv) và câu D-innovate (V)



Bảo tàng Ferrera có kế hoạch triển lãm một bộ sưu tập các tác phẩm điêu khắc **mới nhất** của Lucia Almeida.

113. The bank's cashier windows are open daily from 8:00A.M. to 4:00 P.M ----- on Sundays.

(A) **except**

(B) until

(C) nor

(D) yet

**Tạm dịch:**

Cửa sổ thu ngân của ngân hàng mở cửa hàng ngày từ 8:00 A.M. đến 4:00 P.M **ngoại trừ** vào chủ nhật.

**Phân tích:** Câu B-until (cho đến khi), câu C-nor (cũng không) và câu D-yet (chưa) đều không phù hợp nghĩa. Do đó, đáp án đúng là câu A-except (ngoại trừ)

114. Inventory control and warehousing strategies ----- within the responsibilities of the supply chain manager.

(A) have

(B) cover

(C) mark

(D) **fall**

**Tạm dịch:**

114. Chiến lược kiểm soát và lưu kho hàng tồn kho **nằm trong** trách nhiệm của người quản lý chuỗi cung ứng.

**Phân tích:** Xét về nghĩa thì đáp án đúng nhất là câu D-fall within (nằm trong quyền), câu A-have (có), câu C-mark (đánh dấu) và câu B-cover (bao gồm).

115. Of all the truck models available today, it can be difficult to figure out ----- would best suit your company's needs.

(A) when

(B) why

(C) **which**

(D) where

**Tạm dịch:**

Trong tất cả các mẫu xe tải có sẵn hiện nay, có thể khó tìm ra **cái nào** phù hợp nhất với nhu cầu của công ty bạn.

**Phân tích:** C-which (cái nào) chỉ những mẫu xe tải, câu B-why (tại sao), câu C-which và câu D-where (nơi nào) đều không phù hợp

116. CEO Yoshiro Kasai has expressed complete faith in Fairway Maritime's ----- to deliver the product on time.

(A) belief

(B) measure

(C) problem

(D) **ability**

**Phân tích:**

Theo nghĩa, đáp án đúng là D-ability (khả năng), còn lại câu B-measure (giải pháp) và câu A-belief (sự tin tưởng)



**Tạm dịch:**

Giám đốc điều hành Yoshiro Kasai đã bày tỏ niềm tin hoàn toàn vào **khả năng** của Fairway Maritime để giao sản phẩm đúng hạn.

117. At Derwin Securities, trainees alternate ----  
--attending information sessions and working  
closely with assigned mentors.

- (A) along
- (B) against
- (C) **between**
- (D) near

**Tạm dịch:**

Tại Derwin Securities, các học viên thay phiên **giữa** tham dự các buổi học và làm việc chặt chẽ với các cố vấn được phân công.

**Phân tích:** Đáp án đúng là câu C-between đi cùng với “and”, câu A-along (dọc theo), câu B-against (chống lại), câu D-near (gần) đều không hợp lý.

118. Company Vice President Astrid Barretto had no ----- to being considered for the position of CEO.

- (A) objected
- (B) objecting
- (C) objects
- (D) **objection**

**Tạm dịch:**

Phó chủ tịch công ty Astrid Barretto đã không có **sự phản đối** nào để được xem xét cho vị trí CEO.

**Phân tích:** Vị trí cần điền là một danh từ (số ít hoặc số nhiều), do đi cùng với “no”, trong tất cả các đáp án chỉ có D-objection (sự phản đối) là danh từ. Câu A-objected (động từ dạng quá khứ), câu B-objecting (động từ tiếp diễn), câu C-objects (động từ ở hiện tại).

119. Belinda McKay fans who are ----- to the author's formal writing style will be surprised by her latest biography.

- (A) fortunate
- (B) readable
- (C) comparable
- (D) **accustomed**

**Tạm dịch:**

Những người hâm mộ Belinda McKay, những người mà **đã quen với** phong cách viết trang trọng của tác giả này sẽ bị bất ngờ bởi tiểu sử mới nhất của cô ấy.

**Phân tích:** câu D-accustomed to (đã quen với) mang nghĩa phù hợp nhất, câu A-fortunate (may mắn), câu B-readable (có thể đọc được), câu C-comparable (có thể so sánh được)

120. The Southeast Asia Business Convention will feature ----- known and respected leaders from countries across the region.

- (A) widen
- (B) **wider**

**Phân tích:** Câu C-widely (rộng rãi) là đáp án phù hợp nhất. Sau động từ chính (feature), ta cần một cụm danh từ theo thứ tự adv (widely) + adj (known and respected+N(leaders), câu A-



(C) **widely**

(D) wide

**Tạm dịch:**

Hội nghị kinh doanh Đông Nam Á sẽ có các nhà lãnh đạo được biết đến và tôn trọng **rộng rãi** từ các quốc gia trong khu vực.

widen (động từ), câu B-wider (tính từ so sánh hơn), câu D-wide (rộng) không phù hợp.

121. ----- the high cost of fuel, customers are buying smaller, more efficient cars.

(A) Together with

(B) Instead of

(C) As well as

(D) **Because of**

**Tạm dịch:** Bởi vì chi phí nhiên liệu cao, khách hàng sẽ mua những chiếc xe nhỏ hơn và hiệu quả hơn.

**Phân tích:** câu D-because of + N (bởi vì) là đáp án mang nghĩa hợp lý nhất của câu. Câu A-together with (cùng với), câu B-instead of (thay vì), câu C-as well as (cũng như) sai về nghĩa.

122. Over the past ten years, Bellworth Medical Clinic ----- Atlan Protection officers for all security needs.

(A) is hiring

(B) were hiring

(C) **has hired**

(D) was hired

**Tạm dịch:**

Trong mười năm qua, Phòng khám Y tế Bellworth **đã đang** thuê nhân viên bảo vệ Atlan cho tất cả các yêu cầu bảo mật.

**Phân tích:** Câu C-has hired (hiện tại hoàn thành) là đáp án đúng vì công ty thuê bảo vệ trong 10 năm qua và vẫn tiếp tục hợp đồng cho đến hiện tại. Câu A-is hiring (sai vì câu chỉ quá khứ the past ten years), câu B-were hiring (việc này chưa chấm dứt trong quá khứ), câu D-was hired (câu không cần chia bị động, vì công ty thuê chứ không phải được thuê)

123. The driver will make three ----- to deliver the package before it is returned to our warehouse.

(A) **attempts**

(B) pursuits

(C) aims

(D) experiences

**Tạm dịch:**

Tài xế sẽ **nỗ lực** 3 lần để giao gói hàng trước khi nó được trả lại vào kho của chúng ta.

**Phân tích:** Theo nghĩa, câu A-attempts (nỗ lực), câu B-pursuits (sự theo đuổi), câu C-aims (mục đích) và câu D-experiences (những kinh nghiệm). Như vậy, đáp án hợp lý là câu A.

124. We congratulate all Riverside employees, whose ----- effort has resulted in a 20 percent reduction in waste disposal costs.

(A) collect

(B) **collective**

(C) collects

**Phân tích:** Ta có whose + adj + N, như vậy ta chọn câu B-collective (tập thể) bổ nghĩa cho danh từ, câu A-collect (động từ), câu C-collects (động từ thêm s), câu D-collector (danh từ, người thu thập).





(D) collector

**Tạm dịch:**

Chúng tôi xin chúc mừng tất cả nhân viên của công ty Riverside, nỗ lực **tập thể** của họ đã giúp giảm 20% chi phí xử lý chất thải.

125. Andrzej Ptak's photography Web site will be available online -----we have finished organizing and cataloging his work.

(A) how

(B) once

(C) so too

(D) not only

**Tạm dịch:**

Trang web nhiếp ảnh của Andrzej Ptak sẽ có sẵn trực tuyến **khi** chúng tôi hoàn thành tổ chức và lập mục lục cho các tác phẩm của anh ấy.

126. The initial feedback from early buyers of the Sunbell XC2 mobile phone indicates that they found it----- to use.

(A) conveniences

(B) conveniently

(C) convenience

(D) convenient

**Tạm dịch:**

Phản hồi ban đầu từ những người mua đầu tiên của điện thoại di động Sunbell XC2 cho biết họ đã tìm thấy nó **tiện lợi** để sử dụng.

127. ----- space in the bathroom was limited, the contractor managed to fit in two sinks and a shower.

(A) Both

(B) So that

(C) Whether

(D) Even though

**Tạm dịch:**

**Mặc dù** không gian trong phòng tắm bị hạn chế, nhà thầu vẫn có thể lắp vừa hai bồn rửa và một vòi hoa sen.

128. The staff must ----- as much market-research data as possible before planning the advertising campaign.

(A) equip

**Phân tích:** câu B-once (khi) là đáp án đúng vì các câu còn lại có nghĩa không phù hợp nghĩa, câu A-how (như thế nào), câu C- so too (quá) và câu D- not only (không chỉ)

**Phân tích:** “**Found + O+ adj**”, do đó câu D-convenient (tiện lợi, tính từ) là đáp án đúng, câu A-conveniences (danh từ số nhiều), câu B-conveniently (thuận lợi) và convenience (danh từ số ít)

**Phân tích:** câu D-Even though (mặc dù), câu A-both (cả hai) đi cùng với and, câu B-S+V so that S+V (để mà) và câu C-whether (được hay không). Như vậy đáp án đúng là câu D.

**Phân tích:** Theo nghĩa, câu A- equip (trang bị) đi cùng với giới từ with, câu C-endorse (chứng thực) và câu D-compose (sáng tác,



- (B) **compile**  
(C) endorse  
(D) compose

**Tạm dịch:**

Nhân viên phải **sưu tập** càng nhiều dữ liệu nghiên cứu thị trường càng tốt trước khi lên kế hoạch cho chiến dịch quảng cáo.

biên soạn). Đáp án hợp lý nhất là câu B-compile (sưu tập).

129. ----- a national holiday falls on a Thursday, the Barstow Company allows employees to take off Friday as well.

- (A) Even  
(B) For  
(C) Nearly  
(D) **Whenever**

**Tạm dịch:**

**Bất cứ khi nào** ngày lễ quốc gia rơi vào thứ Năm, Công ty Barstow cũng cho phép nhân viên nghỉ luôn ngày thứ Sáu.

**Phân tích:** câu D-whensoever (bất cứ khi nào) là đáp án phù hợp nhất về nghĩa và sau whenever là một mệnh đề S+V+O, câu A-even (thậm chí), câu B-for (dành cho), câu C-nearly (gần như) không hợp nghĩa.

130. ----- materials for the advanced Farsi course include an audio CD and a DVD.

- (A) **Supplementary**  
(B) Consequential  
(C) Persistent  
(D) Cooperative

**Tạm dịch:**

Tài liệu **bổ sung** cho khóa học Farsi nâng cao bao gồm một đĩa CD và DVD.

**Phân tích:** câu A-supplementary (bổ trợ, bổ sung) là đáp án đúng, câu B-consequential (hậu quả), câu C-persistent (kiên trì) và câu D-cooperative (cộng tác)

**PART 6**

(3 September) - Five years ago, Brian Trang signed a five-year lease to open his restaurant, Trang's Bistro, at 30 Luray Place. Mr. Trang admits that the first two years of operation were quite 131\_\_\_\_\_. "We offer spicy food from Vietnam's central region," he explains. "We didn't do well at first 132\_\_\_\_\_ the cuisine is based on unfamiliar herbs and hot flavors. It took a while to catch on with customers." But Mr. Trang was confident the food would gain in popularity, and he was correct. 133\_\_\_\_\_ Mr. Trang has just signed another five-year lease, and he is planning 134\_\_\_\_\_ the space.

**Tạm dịch:** (3 tháng 9) - Năm năm trước, Brian Trang đã ký hợp đồng thuê năm năm để mở nhà hàng của mình, Trang's Bistro, tại 30 Luray Place. Ông Trang thừa nhận rằng hai năm đầu hoạt động khá **khó khăn**. "Chúng tôi cung cấp thực phẩm cay từ khu vực miền Trung của Việt Nam," ông giải thích. "Chúng tôi đã không làm tốt lúc đầu vì ẩm thực dựa trên các loại thảo mộc lạ và hương vị nóng. Phải mất một thời gian để bắt kịp với khách hàng." Nhưng ông Trang tự tin rằng món ăn sẽ trở nên phổ biến, và ông đã đúng. **Đặt phòng tại Trang's Bistro bây giờ phải được thực hiện trước một tuần.** Ông Trang vừa ký một hợp đồng thuê năm năm khác, và ông đang lên kế hoạch để **cải tạo** không gian.





131.

- (A) competitive
- (B) potential
- (C) **challenging**
- (D) rewarding

**Phân tích:** Ở phía sau có nói “We didn't do well at first”, tức là cần một tính từ trong chỗ trống mang nghĩa tiêu cực, không tốt. Chỉ có câu C – challenging (khó khăn) thỏa điều kiện đó, nên câu C đúng.

132.

- (A) **because**
- (B) unless
- (C) despite
- (D) besides

**Phân tích:** Ở câu sau có nói “It took a while to catch on” tức là diễn tả hậu quả của sự khó khăn, như vậy câu trước cần phải mang nội dung nói về nguyên nhân dẫn tới sự khó khăn; về trước chỗ trống lại là “We didn't do well at first” tức là sự khó khăn, như vậy sau chỗ trống phải là nguyên nhân cho khó khăn đó. Giới từ nối quan hệ nhân-quả là “because”, vậy nên câu A đúng.

133.

- (A) Originally from Hue, Mr. Trang moved to London at age five with his family.
- (B) **Reservations at Trang's Bistro must now be made a week in advance.**
- (C) This situation was not expected to last so long.
- (D) The restaurant will relocate in March.

**Phân tích:** Câu trước đó nói “...the food would gain in popularity, and he was correct”, như vậy câu trong chỗ trống cần phải liên quan tới sự “correct” đó. Câu A nói về quá khứ của Mr. Trang, câu C nói về “this situation” nhưng “not... last so long”, tức là không phải về nội dung câu trước, còn câu D nói về việc di dời nhà hàng trong tương lai. Chỉ có câu B có nội dung phù hợp với câu trước, vì “reservation... must now be made... in advance” tức là thể hiện việc bán đặt của nhà hàng. Vậy nên câu B đúng.

134.

- (A) renovate
- (B) being renovated
- (C) renovates
- (D) **to renovate**

**Phân tích:** chúng ta có cấu trúc ngữ pháp “be planning + to V<sub>0</sub>”, vậy nên câu D đúng.

This manual provides guidelines for inventory control at Malanta facilities. Our advanced manufacturing procedures depend on 135\_\_\_\_\_ inventory control. Only by maintaining a precise flow of inventory 136\_\_\_\_\_ minimize costs and ensure prompt shipments. To achieve this goal, we must avoid shortages. When stock is in the correct location at the time it is ordered, shipments are made at regular shipping costs and within estimated time frames. 137\_\_\_\_\_. Therefore, the procedures in this manual must always be faithfully 138\_\_\_\_\_.

**Tạm dịch:** Hướng dẫn này cung cấp các hướng dẫn để kiểm soát hàng tồn kho tại các cơ sở Malanta. Quy trình sản xuất tiên tiến của chúng ta phụ thuộc vào kiểm soát hàng tồn kho **chính xác**. Chỉ bằng cách duy trì một luồng hàng tồn kho chính xác, **chúng ta mới có thể** giảm thiểu chi phí và đảm bảo giao hàng nhanh chóng. Để đạt được mục tiêu này, chúng ta phải tránh thiếu hụt. Khi kiện hàng ở đúng vị trí tại thời điểm đặt hàng, các lô hàng được thực hiện với chi phí vận chuyển thông thường và trong các khung thời gian ước tính. **Tuy nhiên, điều này là không thể khi thiếu hụt bất ngờ xảy ra.** Do đó, các thủ tục trong hướng dẫn này phải luôn **được thực hiện** một cách trung thực.

135.

- (A) **accurate**
- (B) seasonal

**Phân tích:** Trong văn bản có các từ “inventory control”, “precise flow”, “ensure”, “correct location”



(C) expensive  
(D) industrialized

là thể hiện sự chính xác. Chỉ có câu A – accurate nghĩa là “chính xác”, vậy nên câu A đúng.

136.

(A) is able to  
(B) to be able  
(C) our ability to  
**(D) are we able to**

**Phân tích:** Đây là dạng câu trúc đảo ngữ của “only” (“Only...” + trợ động từ + S + V...), cụ thể là “Only by + Ving/ Noun + trợ động từ + S + V” (chỉ bằng cách). Chỉ có câu D là đúng cấu trúc đó nên câu D đúng.

137.

(A) We have calculated the costs for you.  
(B) Please allow at least two weeks for delivery  
(C) Unfortunately, some items are currently not in stock.  
**(D) However, this is not possible when unexpected shortages occur.**

**Phân tích:** Câu trước đó đang nói về “stock is in correct location”, còn câu sau đó nói về “procedures”, như vậy câu trong chỗ trống buộc phải nói về việc “inventory control” theo cả bài. Câu A nói về “cost”, câu B nói về thời gian “delivery”, câu C nói về “items are not in stocks”, đều không liên quan nên không chọn. Chỉ có câu D nói về “unexpected shortages” là liên quan, vậy nên câu D đúng.

138.

**(A) implemented**  
(B) reproduced  
(C) corrected  
(D) recorded

**Phân tích:** Xét trong nội dung văn bản, “procedure” được yêu cầu đảm bảo, tức là tiến hành đúng như được chỉ dẫn, chứ không hề nói về việc “reproduce” hay “correct” hay “record”, nên không chọn câu B, C, D. “Chỉ dẫn” là “implement”, vậy nên câu A đúng.

To: Alan Porto <aporto@silverwing.ky>  
From: Tuchman's Billing <billing@tuchmans.ky>  
Subject: Autopay  
Date: 19 February  
Dear Mr. Porto:  
Congratulations on your recent 139\_\_\_\_\_ in Tuchman's Autopay system. Thank you for signing up for this convenient billing system. Your automatic payments will begin with the next billing cycle on 1 March. 140\_\_\_\_\_. Your statements will come to you electronically and your payment will be deducted from your designated bank account. You may 141\_\_\_\_\_ the account from which the funds are withdrawn. Simply log in to the My Account section on our Web site <https://www.tuchmans.ky>, select Autopay, and follow the instructions to enter the alternate account information. Please contact customer service if you have 142\_\_\_\_\_ using Tuchman's Autopay.  
Tuchman's Billing Department

**Tạm dịch:** Tới: Alan Porto <aporto@silverwing.ky>  
Từ: Thanh toán của Tuchman <billing@tuchmans.ky>  
Chủ đề: Tự động thanh toán  
Ngày: 19 tháng 2  
Ông Porto thân mến:  
Chúc mừng **việc đăng ký** của ông gần đây trong hệ thống Autopay của Tuchman. Cảm ơn ông đã đăng ký hệ thống thanh toán thuận tiện này. Thanh toán tự động của ông sẽ bắt đầu với chu kỳ thanh toán tiếp theo vào 1 tháng Ba. **Ông sẽ không còn nhận được hóa đơn qua đường bưu điện.** Báo cáo của ông sẽ đến với ông bằng đường điện tử và khoản thanh toán của ông sẽ được khấu trừ từ tài khoản ngân hàng được chỉ định của ông. Ông có thể **thay đổi** tài khoản mà tiền được rút. Chỉ cần đăng nhập vào phần Tài Khoản Của Tôi trên trang web của chúng tôi <https://www.tuchmans.ky>, chọn Autopay và làm theo hướng dẫn để nhập thông tin tài khoản thay thế. Vui lòng liên hệ với dịch vụ khách hàng nếu ông gặp **bất kỳ khó khăn** nào khi sử dụng Autopay của Tuchman. Phòng thanh toán của Tuchman



139.

- (A) enroll
- (B) enrolled
- (C) enrolls
- (D) enrollment**

**Phân tích:** Chỗ trống nằm sau một danh từ vì đi sau tính từ, mà sau đó là giới từ “in” tức là đã kết thúc danh từ, vậy nên câu D đúng.

140.

- (A) Our billing clerks are happy to serve you.
- (B) You will no longer receive a bill by post.**
- (C) We appreciate our loyal customers.
- (D) Take advantage of our special offers.

**Phân tích:** Cả câu trước đó và sau đó đều vẫn đang nói về việc thanh toán tự động, chỉ có câu B có nội dung cùng chủ đề với hai câu đó, nên câu B đúng.

141.

- (A) own
- (B) settle
- (C) open
- (D) change**

**Phân tích:** Ở câu sau có nói “...to enter the alternate account information”, nghĩa là “nhập thông tin tài khoản THAY THẾ”, như vậy đang nói về sự thay đổi. Như vậy câu D đúng.

142.

- (A) any difficulties**
- (B) more difficult
- (C) the difficulty
- (D) too difficult

**Phân tích:** Ở chỗ trống cần một danh từ, vậy nên loại câu B và D. Chưa có “difficulty” nào được nhắc tới trong bài, vì vậy “the difficulty” sẽ trở nên tối nghĩa nên không chọn. Vậy câu A đúng.

12 December  
Lenny Howe  
222 Easton Boulevard  
Port Douglas QLD 4877  
Dear Mr. Howe,

The Irwin Neighbourhood Association is proud to 143 \_\_\_\_\_ a summer event called Park Fest, to be held at Fern Park on 10 January, from 1 P.M. to 8 P.M. Park Fest will feature numerous family-friendly activities and a delicious picnic dinner to be served at 6 P.M. A per person fee of ten dollars will be collected. The proceeds will 144 \_\_\_\_\_ go towards a park enhancement project. The plan is to hire a contractor to landscape the park grounds, while a smaller portion will be spent on an advertising campaign. This event 145 \_\_\_\_\_ to be great fun. 146 \_\_\_\_\_.

Regards,  
Faye Mason-Jones  
Director, Irwin Neighbourhood Association

**Tạm dịch:** 12 tháng 12  
Lenny Howe  
Đại lộ 222 Easton  
Cảng Douglas QLD 4877  
Thưa ông Howe,

Hiệp hội khu phố Irwin tự hào **thông báo** một sự kiện mùa hè có tên Park Fest, sẽ được tổ chức tại Công viên Fern vào ngày 10 tháng 1, từ 1 P.M. đến 8 P.M. Park Fest sẽ có nhiều hoạt động thân thiện với gia đình và bữa tối dã ngoại ngon miệng được phục vụ vào 6 giờ tối. Một khoản phí cho mỗi người mười đô la sẽ được thu thập. Số tiền thu được sẽ **chủ yếu** hướng tới một dự án nâng cấp công viên. Kế hoạch là thuê một nhà thầu để tạo cảnh quan cho công viên, trong khi một phần nhỏ hơn sẽ được chi cho một chiến dịch quảng cáo. Sự kiện này **hứa hẹn** sẽ rất vui. **Chúng tôi hy vọng bạn sẽ có thể tham dự.**

Trân trọng,  
Faye Mason-Jones  
Giám đốc, Hiệp hội khu phố Irwin

143.

- (A) announce**
- (B) admit
- (C) recall

**Phân tích:** Sự kiện trong văn bản chưa từng xuất hiện, vậy nên không thể chọn C – recall. Người viết thể hiện là “proud”, vậy nên không thể chọn B – admit, và đó là một “summer event” nên không có tính trang



(D) state

ng nghiêm nên không chọn D – state. Vậy nên câu A đúng.

144.

(A) entirely

(B) often

(C) **primarily**

(D) together

**Phân tích:** Trong chỗ trống cần một trạng từ, vậy nên không thể chọn B và D vì là tính từ. Ở câu sau có nói “a smaller portion”, vậy nghĩa là “the proceeds” phía trên có nhiều hơn 1 phần, vậy nên không thể chọn A – entirely. Vậy nên câu C đúng.

145.

(A) promise

(B) **promises**

(C) promising

(D) promised

**Phân tích:** Trước chỗ trống là một danh từ số ít, vậy nên không thể chọn A. Không có trợ động từ “be” vậy nên không thể chọn C. Đây là sự kiện không trong quá khứ nên không chọn D. Vậy nên câu B đúng.

146.

(A) You can help by disposing of all rubbish.

(B) The park was established 75 years ago.

(C) **We hope you will be able to attend.**

(D) Fern Park

**Phân tích:** Dựa theo nội dung văn bản, chúng ta đã biết Parker chỉ mua 1 máy ảnh cụ thể, tức là danh từ phải ở dạng số ít, nên không chọn D - these. Nó thuộc về Parker chứ không phải người viết, nên không chọn câu A, cũng không thuộc về nhân vật “thứ ba” nào nên không chọn C – theirs. Vậy nên B là đáp án đúng.

## PART 7

### Lastico Employee Badge

#### Application Form

To receive a new Lastico employee badge, please fill out the following form. Write in pen only. Please PRINT clearly.

Name: LAURA CONSTANTINI

Division: CUSTOMER SUPPORT

Employee No. 2378

Employed at Lastico since Feb 10

My previous badge ☒ expired ☐ was lost ☐ was damaged

(Leave blank if you are applying for the first time)

Submitted Aug 2 - Signed: Constantini

### Huy hiệu nhân viên Lastico

#### Mẫu đăng ký

Để nhận được huy hiệu nhân viên Lastico mới, vui lòng điền vào mẫu sau. Chỉ viết bằng bút. Làm ơn hãy GHI rõ ràng.

Tên: LAURA CONSTANTINI

Bộ phận: HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG

Nhân viên số 2378

Làm việc tại Lastico kể từ 10/2

Huy hiệu trước đây của tôi ☒ đã hết hạn ☐ bị mất ☐ bị hư hại

(Để trống nếu bạn nộp đơn lần đầu tiên)

Đã nộp 2/8 - Ký tên: Constantini

147. Why did Ms. Constantini fill out the form?

(A) To authorize a charge to her credit card

(B) To be assigned to a new company division

(C) **To request a document renewal**

(D) To report lost equipment

147. Tại sao cô Constantini điền vào mẫu đơn?

(A) Để cho phép tính phí vào thẻ tín dụng của cô ấy

(B) Để được điều phối tới một bộ phận mới trong công ty

(C) **Để yêu cầu gia hạn tài liệu**

(D) Để báo cáo thiết bị bị mất





Đây là mẫu đơn để đăng ký cấp huy hiệu mới (**new** Lastico employee **badge**) và huy hiệu trước đây của cô Constantini đã hết hạn ("**My previous badge** **✗expired**") nên câu C là đáp án đúng.

148. What instructions are included?

(A) Where to send the form

**(B) How to complete the form**

(C) When to submit the application

(D) What documentation to attach

148. Hướng dẫn nào được bao gồm?

(A) Nơi gửi mẫu

**(B) Cách hoàn thành mẫu đơn**

(C) Khi nào nộp đơn

(D) Tài liệu nào để đính kèm

Ta thấy câu "Chỉ viết bằng bút. Làm ơn hãy GHI rõ ràng." (Write in pen only. Please PRINT clearly.) chính là một hướng dẫn để hoàn thành mẫu đơn, nên câu B là đáp án đúng.

### VACANCY

The Golden Lagoon has been serving Montego Bay for 18 years. We are an award-winning restaurant with a reputation that spans the Caribbean. Currently we have vacancies for the position of waitstaff. Duties include taking customers' orders, serving food and beverages, preparing itemized bills, and accepting payments. Experience is preferred but not required. We offer an excellent hourly rate and flexible work schedule. Apply in person, supplying a resume and three employment references.

The Golden Lagoon  
Shahine Kincaid, Manager  
135 Concertina Dr.  
Montego Bay, Jamaica

Business hours: Monday- Friday, 11:00 A.M.-11 :00 P.M.

Saturday and Sunday, noon-10:00P.M

### TUYỂN DỤNG

Nhà hàng Đầm Vàng đã phục vụ Vịnh Montego trong 18 năm. Chúng tôi là một nhà hàng từng đoạt giải thưởng với danh tiếng trải dài khắp vùng biển Caribbean. Hiện tại chúng tôi có chỗ trống cho vị trí nhân viên phục vụ. Nhiệm vụ bao gồm nhận gọi món của khách hàng, phục vụ thực phẩm và đồ uống, chuẩn bị hóa đơn được ghi thành từng khoản và chấp nhận thanh toán. Có kinh nghiệm được ưu tiên nhưng không bắt buộc. Chúng tôi cung cấp một mức giá theo giờ tuyệt vời và lịch làm việc linh hoạt. Ứng tuyển trực tiếp, cung cấp một sơ yếu lý lịch và ba người tham khảo.

Nhà hàng Đầm Vàng  
Shahine Kincaid, Quản lý  
135 Concertina Dr.  
Vịnh Montego, Jamaica

Giờ làm việc: Thứ Hai - Thứ Sáu, 11:00 AM - 11:00 PM

Thứ Bảy và Chủ Nhật, trưa - 10:00 PM

149. What is stated about The Golden Lagoon?

(A) It is closed on Sundays.

(B) It regularly has positions available.

**(C) It has been in business for over a decade.**

(D) It was bought by Ms. Kincaid eighteen years ago.

149. Những gì được nói đến về The Golden Lagoon (Nhà hàng Đầm Vàng)?

(A) Nó đóng cửa vào Chủ nhật.

(B) Nó thường xuyên có vị trí có sẵn.

**(C) Nó đã kinh doanh được hơn một thập kỷ.**

(D) Nó được mua bởi cô Kincaid mười tám năm về trước.

Ta thấy câu "Nhà hàng Đầm Vàng đã phục vụ Vịnh Montego trong 18 năm" (The Golden Lagoon **has been serving** Montego Bay **for 18 years**) và các câu A, B, D đều không đúng, nên câu C là đáp án đúng.

150. What is mentioned about job applicants?

(A) They will be working on a fixed schedule.

150. Những gì được đề cập về người xin việc?

(A) Họ sẽ làm việc theo một lịch trình cố định.



**(B) They must go to the restaurant to file their job request.**

(C) They must have worked in a restaurant before.

(D) They will learn how to cook Jamaican dishes.

Ta thấy câu “Ứng tuyển trực tiếp” (Apply in person), đồng nghĩa với việc họ phải đến nhà hàng để nộp đơn, nên câu B là đáp án đúng.

**(B) Họ phải đến nhà hàng để nộp đơn xin việc của họ.**

(C) Họ phải làm việc trong một nhà hàng trước đây.

(D) Họ sẽ học cách nấu các món ăn Jamaica.

E-mail	E-mail
<p>To: Staff</p> <p>From: Asta Lindstrom</p> <p>Subject: Reminder</p> <p>Date: 11 April</p> <p>To All Staff:</p> <p>This is a reminder that the water in the Tolliver building will be temporarily shut off tomorrow at 8 a.m. while repairs are completed. I understand that most employees who work in the building will be off-site at a software training session and will not be affected.</p> <p>For those of you who will be working in Tolliver tomorrow, the Hillcrest Water Department has assured me that the water will be off for no more than four hours. We will provide complimentary bottled water in the lobby for all staff during this time. The cafeteria will remain closed until the water has been turned on again. At that point meal service and food sales will resume. I apologize for the inconvenience.</p> <p>Sincerely,</p> <p>Asta Lindstrom</p> <p>Facilities Manager</p>	<p>Kính gửi: Nhân viên</p> <p>Từ: Asta Lindstrom</p> <p>Chủ đề: Nhắc nhở</p> <p>Ngày: 11 tháng 4</p> <p>Gửi tất cả nhân viên:</p> <p>Đây là một lời nhắc nhở rằng nước trong tòa nhà Tolliver sẽ tạm thời bị cúp vào ngày mai lúc 8 giờ sáng trong khi việc sửa chữa hoàn tất. Tôi hiểu rằng hầu hết nhân viên làm việc trong tòa nhà sẽ đi ra tham dự một buổi đào tạo phần mềm và sẽ không bị ảnh hưởng.</p> <p>Đối với những người sẽ làm việc tại Tolliver vào ngày mai, Sở Nước Hillcrest đã đảm bảo với tôi rằng nước sẽ tắt không quá bốn giờ. Chúng tôi sẽ cung cấp nước đóng chai miễn phí trong sảnh cho tất cả nhân viên trong thời gian này. Căn tin sẽ vẫn đóng cửa cho đến khi nước được bật lại. Vào lúc đó dịch vụ ăn uống và buôn bán thực phẩm sẽ tiếp tục. Tôi rất xin lỗi vì sự bất tiện này.</p> <p>Trân trọng,</p> <p>Asta Lindstrom</p> <p>Quản lý cơ sở vật chất</p>

151. What will happen tomorrow?

(A) New computers will arrive.

**(B) Maintenance work will be done.**

(C) A new employment policy will take effect.

(D) The location of a training session will be announced.

Ta thấy câu “...trong khi việc sửa chữa hoàn tất” (while repairs are completed), trong đó “việc sửa chữa” đồng nghĩa với việc “bảo trì” (**maintenance**), nên câu B là đáp án đúng.

152. What will employees NOT be able to do in the Tolliver building in the morning?

151. Điều gì sẽ xảy ra vào ngày mai?

(A) Máy tính mới sẽ đến.

**(B) Công việc bảo trì sẽ được thực hiện.**

(C) Một chính sách việc làm mới sẽ có hiệu lực.

(D) Địa điểm của một buổi đào tạo sẽ được công bố.

152. Nhân viên sẽ KHÔNG thể làm gì trong tòa nhà Tolliver vào buổi sáng?





(A) Use new software

(B) Drink bottled water

**(C) Purchase food items**

(D) Walk through the lobby

Ta thấy câu “Căn tin sẽ vẫn đóng cửa cho đến khi nước được bật lại”, đồng nghĩa với việc nhân viên sẽ không thể mua thức ăn trong lúc đó, nên câu C là đáp án đúng.

(A) Sử dụng phần mềm mới

(B) Uống nước đóng chai

**(C) Mua thực phẩm**

(D) Đi bộ qua sảnh

<b>Nicole Fernandez</b>	<b>[12:23 P.M.]</b>	<b>Nicole Fernandez</b>	<b>[12:23 P.M.]</b>
Tad, this is just to let you know I'll be in Amherst next Monday.		Tad, tin nhắn này chỉ để cho bạn biết tôi sẽ ở Amherst vào thứ Hai tới.	
<b>Tad Yates</b>	<b>[12:25 P.M.]</b>	<b>Tad Yates</b>	<b>[12:25 P.M.]</b>
What's going on?		Sao vậy?	
<b>Nicole Fernandez</b>	<b>[12:26 P.M.]</b>	<b>Nicole Fernandez</b>	<b>[12:26 P.M.]</b>
Our Amherst office requested a training session. Their instructor has to take an unexpected trip, and they need a substitute.		Văn phòng Amherst của chúng ta yêu cầu một buổi đào tạo. Người hướng dẫn của họ phải đi một chuyến đi bất ngờ, và họ cần một người thay thế.	
<b>Tad Yates</b>	<b>[12:26 P.M.]</b>	<b>Tad Yates</b>	<b>[12:26 P.M.]</b>
Did you manage to book a flight?		Bạn có đặt được chuyến bay nào không?	
<b>Nicole Fernandez</b>	<b>[12:27 P.M.]</b>	<b>Nicole Fernandez</b>	<b>[12:27 P.M.]</b>
Not on such short notice. I'll drive.		Thông báo tới trễ thế này thì không đâu. Tôi sẽ lái xe.	
<b>Tad Yates</b>	<b>[12:28 P.M.]</b>	<b>Tad Yates</b>	<b>[12:28 P.M.]</b>
OK, good luck!		OK chúc may mắn!	

153. What will Ms. Fernandez do next Monday?

**(A) Teach a training course**

(B) Meet an instructor

(C) Go on a vacation

(D) Apply for a job

Ta thấy câu “Văn phòng Amherst của chúng ta yêu cầu một buổi đào tạo. Người hướng dẫn của họ phải đi một chuyến đi bất ngờ, và họ cần một người thay thế” và cô Fernandez chính là người thay thế đó vì cô sẽ đi đến Amherst, nên câu A là đáp án đúng.

154. At 12:27 P.M., what does Ms. Fernandez mean when she writes, "Not on such short notice"?

(A) She will not arrive on time.

**(B) She will not travel by plane.**

(C) She cannot accept an invitation.

(D) She cannot make a payment.

Khi anh Yates hỏi rằng “Bạn có đặt được chuyến bay nào không?”, cô Fernandez trả lời rằng “Thông báo tới trễ thế này thì không đâu”, đồng nghĩa với việc cô ấy không mua kịp vé máy bay, và cô còn nói rằng “Tôi sẽ lái xe”, nên câu B là đáp án đúng.

153. Cô Fernandez sẽ làm gì vào thứ hai tới?

**(A) Dạy một khóa đào tạo**

(B) Gặp một người hướng dẫn

(C) Đi nghỉ

(D) Ứng tuyển cho một công việc

154. Vào lúc 12:27 P.M., cô Fernandez có ý gì khi viết: "Thông báo tới trễ thế này thì không đâu"?

(A) Cô ấy sẽ không đến đúng giờ.

**(B) Cô ấy sẽ không đi bằng máy bay.**

(C) Cô ấy không thể chấp nhận lời mời.

(D) Cô ấy không thể thực hiện thanh toán.

To: Jake Taera <jtaera@tritmail.com>	Tới: Jake Taera <jtaera@tritmail.com>
From: Natalie Satter <nsatter@coldings .com>	Từ: Natalie Satter <nsatter@coldings.com>



<p>Subject: Information</p> <p>Date: 30 September</p> <p>Attachment: 📎Coldingsl</p> <p>Dear Mr. Taera:</p> <p>Welcome to the Coldings Home Store family! You have been hired as a sales associate. Your training session begins on 8 October at 8:30 A.M. at the Auckland store, 42 Crossbill Road. Please report to Human Resources to begin your orientation as a Coldings Home Store team member. During your first two weeks with our company, you will learn about our team approach and the many benefits of working at Coldings Home Store. You will be working from 8:30 A.M. to 5:00 P.M. After training, you might be assigned to a different work shift and you will be eligible for benefits including flexible days off, sick days, and our employee discount.</p> <p>Please sign and return the attached document indicating your willingness to accept the position as sales associate. Please let me know if you have any questions or need directions. I look forward to seeing you at the Auckland store on 8 October.</p> <p>Sincerely,</p> <p>Natalie Satter</p> <p>Human Resources Coordinator</p>	<p>Chủ đề: Thông tin</p> <p>Ngày: 30 tháng 9</p> <p>Tài liệu đính kèm: 📎 Coldingsl</p> <p>Kính gửi anh Taera:</p> <p>Chào mừng bạn đến với gia đình Cửa hàng gia dụng Coldings! Bạn đã được thuê làm cộng tác viên bán hàng. Buổi tập huấn của bạn bắt đầu vào ngày 8 tháng 10 lúc 8:30 sáng tại cửa hàng Auckland, 42 Crossbill Road. Vui lòng báo cáo cho phòng Nhân sự để bắt đầu định hướng bạn như là một thành viên của nhóm Cửa hàng gia dụng Coldings. Trong hai tuần đầu tiên với công ty chúng tôi, bạn sẽ tìm hiểu về phương pháp của nhóm chúng ta và nhiều lợi ích khi làm việc tại Cửa hàng gia dụng Coldings. Bạn sẽ làm việc từ 8:30 sáng đến 5:00 chiều. Sau khi được đào tạo, bạn có thể được chỉ định vào một ca làm việc khác và bạn sẽ đủ điều kiện nhận các phúc lợi bao gồm ngày nghỉ linh hoạt, ngày nghỉ ốm và giảm giá nhân viên của chúng tôi.</p> <p>Vui lòng ký và gửi lại tài liệu đính kèm cho biết bạn sẵn sàng chấp nhận vị trí cộng tác viên bán hàng. Xin vui lòng cho tôi biết nếu bạn có bất kỳ câu hỏi hoặc cần được chỉ dẫn. Tôi rất mong được gặp bạn tại cửa hàng Auckland vào ngày 8 tháng 10.</p> <p>Trân trọng,</p> <p>Natalie Satter</p> <p>Điều phối viên Phòng nhân lực</p>
---	--

155. What is the purpose of the e-mail?

- (A) To thank an employee
- (B) To provide job information**
- (C) To explain a new policy
- (D) To announce a special sales event

Ta thấy phần “Chủ đề: Thông tin” (Subject: **Information**), ngoài ra cả đoạn này nói về thông tin về công việc mới của anh Taera, nên câu B là đáp án đúng.

156. According to Ms. Satter, what might happen after two weeks?

- (A) Mr. Taera's work schedule might change.**
- (B) Mr. Taera's might be transferred to another location.
- (C) The company might train Mr. Taera for a new responsibility.

155. Mục đích của e-mail là gì?

- (A) Để cảm ơn một nhân viên
- (B) Để cung cấp thông tin công việc**
- (C) Để giải thích một chính sách mới
- (D) Để thông báo một sự kiện bán hàng đặc biệt

156. Theo cô Satter, điều gì có thể xảy ra sau hai tuần?

- (A) Lịch làm việc của anh Taera có thể thay đổi.**
- (B) Anh Taera có thể được chuyển đến một địa điểm khác.
- (C) Công ty có thể đào tạo anh Taera cho một trách nhiệm mới.



(D) The company might mail Mr. Taera new benefits information.

Ta thấy câu “Sau khi được đào tạo, bạn có thể được chỉ định vào một ca làm việc khác” (After training, you might be assigned to a ***different work shift***), trong đó “work shift” đồng nghĩa với “**work schedule**”, và việc đào tạo đó diễn ra trong hai tuần đầu tiên, nên câu A là đáp án đúng.

157. What did Ms. Satter send with the e-mail?

(A) A store map

(B) An events calendar

(C) A list of benefits

**(D) An employment agreement**

Ta thấy câu “...tài liệu đính kèm cho biết bạn sẵn sàng chấp nhận vị trí...” (the ***attached document*** indicating your ***willingness to accept the position***), đó chính là thỏa thuận đồng ý làm việc, nên câu D là đáp án đúng.

(D) Công ty có thể gửi thư cho ông Taera thông tin lợi ích mới.

157. Cô Satter đã gửi gì với e-mail?

(A) Bản đồ cửa hàng

(B) Lịch sự kiện

(C) Một danh sách các lợi ích

**(D) Thỏa thuận việc làm**

For immediate release

Contact: Desmond Hawkes, Office of Public Relations

Telephone: (02) 5555 6506

E-mail: dhawkes@carlisle.org.au

### **New Exhibition at Sydney's**

Carlisle Art Museum

SYDNEY (3 June) - The Carlisle Art Museum's latest exhibition, Deep Waters, will open on 15 June. The exhibition will feature 38 realist and abstract paintings portraying the beauty and vastness of the world's oceans. All the works were created by Australian artists based in Sydney, and among them will be six by the critically acclaimed oil painter Harold Bernstein.

The exhibition will run until 15 July. Tickets are \$10. Museum visitors may view the exhibition between 9 A.M. and 4 P.M. on Tuesdays, Wednesdays, and Thursdays, and between 2 P.M. and 9 P.M. on Fridays and Saturdays. On each day of the exhibition, at least one of the artists will be present and available to answer visitors' questions about the creative process. Mr. Bernstein will be available on 30 June only.

On 23 July, the exhibition will open at the Muriel Art Gallery in Melbourne, where ocean-themed paintings from Melbourne artists will be added to the collection.

Đề phát hành ngay lập tức

Liên hệ: Desmond Hawkes, Văn phòng Quan hệ công chúng

Điện thoại: (02) 5555 6506

E-mail: dhawkes@carlisle.org.au

### **Triển lãm mới tại Sydney**

Bảo tàng nghệ thuật Carlisle

SYDNEY (3 tháng 6) - Triển lãm mới nhất của Bảo tàng Nghệ thuật Carlisle, Deep Waters, sẽ khai mạc vào ngày 15 tháng 6. Triển lãm sẽ trưng bày 38 bức tranh hiện thực và trừu tượng miêu tả vẻ đẹp và sự rộng lớn của các đại dương trên thế giới. Tất cả các tác phẩm được tạo ra bởi các nghệ sĩ Úc sống tại Sydney, và trong số đó sẽ có sáu tác phẩm của họa sĩ sơn dầu nổi tiếng Harold Bernstein.

Triển lãm sẽ diễn ra đến ngày 15 tháng 7. Vé là \$10. Khách tham quan bảo tàng có thể xem triển lãm từ 9 giờ sáng đến 4 giờ chiều vào thứ ba, thứ tư và thứ năm, và từ 2 giờ sáng đến 9 giờ tối vào thứ sáu và thứ bảy. Vào mỗi ngày của triển lãm, ít nhất một trong số các nghệ sĩ sẽ có mặt và sẵn sàng trả lời câu hỏi của khách tham quan về quá trình sáng tạo. Ông Bernstein sẽ có mặt duy nhất vào ngày 30 tháng 6.

Vào ngày 23 tháng 7, triển lãm sẽ khai mạc tại Phòng trưng bày nghệ thuật Muriel ở Melbourne, nơi các bức tranh có chủ đề đại dương từ các nghệ sĩ Melbourne sẽ được thêm vào bộ sưu tập.



158. What is one purpose of the press release?  
 (A) **To advertise an upcoming art show**  
 (B) To publicize paintings available for purchase  
 (C) To profile an art gallery owner  
 (D) To announce the opening of a new museum

Thông cáo này nói về “Triển lãm mới tại Sydney” và những thông tin về việc mở cửa và bán vé, đồng nghĩa với việc quảng cáo cho triển lãm đó, nên câu A là đáp án đúng.

159. Who is Mr. Bernstein?  
 (A) An art critic  
 (B) A museum director  
 (C) A public relations specialist  
 (D) **An artist**

Ta thấy bài viết đề cập đến “họa sĩ sơn dầu nổi tiếng Harold Bernstein”, đồng nghĩa với việc ông ấy là một nghệ sĩ, nên câu D là đáp án đúng.

160. What is implied about the exhibition in Melbourne?  
 (A) It will be open to the public in the evenings only.  
 (B) **It will include more paintings than the exhibition in Sydney will.**  
 (C) It will feature demonstrations of painting techniques by artists.  
 (D) It will include paintings of landscapes in addition to paintings of oceans.

Ta thấy câu “...nơi các bức tranh có chủ đề đại dương từ các nghệ sĩ Melbourne sẽ được thêm vào bộ sưu tập” (where ocean-themed paintings from Melbourne artists will be added to the collection), đồng nghĩa với việc sẽ có nhiều tranh được triển lãm hơn, nên câu B là đáp án đúng.

158. Một trong những mục đích của thông cáo báo chí này là gì?

- (A) **Để quảng cáo một chương trình nghệ thuật sắp tới**  
 (B) Để công khai các bức tranh có sẵn để mua  
 (C) Để hồ sơ một chủ sở hữu phòng trưng bày nghệ thuật  
 (D) Thông báo khai trương một bảo tàng mới

159. Ông Bernstein là ai?  
 (A) Một nhà phê bình nghệ thuật  
 (B) Một giám đốc bảo tàng  
 (C) Một chuyên gia quan hệ công chúng  
 (D) **Một nghệ sĩ**

160. Điều gì được ngụ ý về triển lãm tại Melbourne?  
 (A) Nó sẽ chỉ mở cửa cho công chúng vào buổi tối.  
 (B) **Nó sẽ bao gồm nhiều bức tranh hơn triển lãm ở Sydney.**  
 (C) Nó sẽ trình diễn các kỹ thuật vẽ tranh của các nghệ sĩ.  
 (D) Nó sẽ bao gồm các bức tranh về phong cảnh bên cạnh các bức tranh về đại dương.

E-mail	E-mail
From: evaluation@crawfordds.com	Từ: evaluation@crawfordds.com
To: trosinsky@malssen.com	Tới: trosinsky@malssen.com
Subject: Crawford Design Contest	Chủ đề: Cuộc thi thiết kế Crawford
Date: April 2	Ngày: 2 tháng 4
Dear Ms. Rosinsky,	Kính gửi cô Rosinsky,
Thank you for entering the Crawford Design Studio Awards Contest. Today we received your project titled "Old Rexto Factory Restoration," including a total of nine photographs and an 18-page description file. - [1] -. Your submission has been forwarded for	Cảm ơn bạn đã tham gia Cuộc thi Giải thưởng Crawford Design Studio. Hôm nay chúng tôi đã nhận được dự án của bạn có tiêu đề "Phục hồi nhà máy cũ Rexto", bao gồm tổng cộng chín bức ảnh và tệp mô tả 18 trang. - [1] -. Nội dung gửi của bạn





further processing and has been assigned the entry number P1298. - [2] -.

Your project will now be reviewed by a panel of judges, which consists of our in-house experts as well as outside designers. - [3] -. You will be able to check on the status of your entry via the "Submissions Being Processed" link in our Website's Main Menu.

Should you have any questions, please do not hesitate to call us. - [4] -.

Kind regards,

Crawford Design Studio

đã được chuyển tiếp để xử lý thêm và đã được chỉ định số mục nhập P1298. - [2] -.

Dự án của bạn bây giờ sẽ được xem xét bởi một hội đồng thẩm định, bao gồm các chuyên gia trong công ty của chúng tôi cũng như các nhà thiết kế bên ngoài. - [3] -. Bạn sẽ có thể kiểm tra trạng thái mục nhập của mình thông qua liên kết "Đệ trình đang được xử lý" trong Menu chính của trang web của chúng tôi.

Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, xin vui lòng gọi cho chúng tôi. - [4] -.

Trân trọng,

Xưởng thiết kế Crawford

161. What is the purpose of the e-mail?

- (A) To report missing documents
- (B) To inquire about building costs
- (C) To confirm receipt of materials**
- (D) To request additional photographs

Ta thấy câu "Hôm nay chúng tôi đã nhận được dự án của bạn..." (*Today we received your project...*), đồng nghĩa với việc Xưởng thiết kế đó đã nhận được dự án của cô Rosinsky và họ gửi thư để xác nhận điều đó, nên câu C là đáp án đúng.

162. What is Ms. Rosinsky advised to do online?

- (A) Read the contest rules
- (B) Obtain a map and directions
- (C) Update her contact information
- (D) Track the progress of her submission**

Ta thấy câu "Bạn sẽ có thể kiểm tra trạng thái mục nhập của mình thông qua ... trang web của chúng tôi" (You will be able *to check on the status of your entry ... in our Website's* Main Menu), nên câu D là đáp án đúng.

163. In which of the positions marked [1], [2], [3], and [4] does the following sentence best belong?

"Please use it when you contact us regarding your entry."

- (A) [1]
- (B) [2]**
- (C) [3]
- (D) [4]

Ta cần xem xét danh từ mà từ "it" thay thế cho bằng cách quan sát (các) danh từ cuối cùng trong câu phía trước. Trước vị trí số 1: chín bức ảnh và tệp mô tả 18 trang → không liên quan đến việc liên lạc; trước vị trí số 3: các chuyên gia trong công ty của chúng tôi cũng như các nhà thiết kế bên ngoài → không phải là vật (nên không dung "it") và cũng không liên quan; trước vị trí số 4: chúng tôi → không phải là vật (nên không dung "it") và cũng không liên quan; trước vị trí số 2: số mục nhập P1298 → có liên quan đến mục nhập và phù hợp với nghĩa khi kết hợp với câu trước. Vậy câu B là đáp án đúng.

161. Mục đích của e-mail này là gì?

- (A) Để báo cáo tài liệu bị thiếu
- (B) Để hỏi về chi phí xây dựng
- (C) Để xác nhận việc nhận tài liệu**
- (D) Để yêu cầu thêm hình ảnh

162. Cô Rosinsky khuyên làm gì trên mạng?

- (A) Đọc thể lệ cuộc thi
- (B) Lấy bản đồ và chỉ đường
- (C) Cập nhật thông tin liên lạc của cô ấy
- (D) Theo dõi tiến trình của bài cô ấy đã nộp**

163. Trong các vị trí được đánh dấu [1], [2], [3] và [4] thì câu sau đây thuộc về vị trí nào là tốt nhất?

"Vui lòng sử dụng nó khi bạn liên hệ với chúng tôi về mục nhập của bạn."

- (A) [1]
- (B) [2]**
- (C) [3]
- (D) [4]



May 5 – Boston law firm Warner and Ames announced this morning that it is merging with the Philadelphia law firm Hamilton Jones to create Warner, Hamilton, and Associates. With more than 655 attorneys, the merger will make this the largest law firm in the northeastern United States.

"This is a welcome merger of two well managed firms who share similar corporate cultures and philosophies," said Andrea Warner, co-director of the former Warner and Ames, who will serve as managing partner of Warner, Hamilton, and Associates. "Our combined expertise makes Warner, Hamilton, and Associates uniquely placed to provide clients even higher levels of counsel and service. We look forward to continuing our practices in Boston and Philadelphia and expect to open yet another office in Hartford within the next twelve months."

According to a press release, Ms. Warner has garnered attention through her representation of clients across the country in prominent cases involving workers' rights, equal pay, and social justice.

The firm expects to keep all of its current lawyers and staff and will "combine management teams made up of partners from each firm to ensure a seamless transition," the release said.

5 tháng 5 - Công ty luật Boston Warner và Ames tuyên bố sáng nay rằng họ sẽ sáp nhập với công ty luật Philadelphia Hamilton Jones để tạo ra Công ty Warner, Hamilton và Cộng sự. Với hơn 655 luật sư, việc sáp nhập sẽ biến đây trở thành công ty luật lớn nhất ở vùng đông bắc Hoa Kỳ.

"Đây là sự hợp nhất đáng hoan nghênh của hai công ty được quản lý tốt, có chung văn hóa và triết lý công ty," Andrea Warner, đồng giám đốc của Warner và Ames, người sẽ làm đối tác quản lý của Warner, Hamilton và Cộng sự, cho biết. "Chuyên môn kết hợp của chúng tôi sẽ giúp cho Công ty Warner, Hamilton và Cộng sự được đứng ở vị trí độc nhất để cung cấp cho khách hàng các cấp độ tư vấn và dịch vụ cao hơn. Chúng tôi mong muốn tiếp tục công việc của mình tại Boston và Philadelphia và dự kiến sẽ mở thêm một văn phòng nữa ở Hartford trong vòng mười hai tháng tới."

Theo thông cáo báo chí, cô Warner đã gặt hái được danh tiếng của mình thông qua việc đại diện thân chủ của mình trên khắp đất nước trong các vụ kiện nổi bật liên quan đến quyền của người lao động, trả lương công bằng và công bằng xã hội.

Công ty hy vọng sẽ giữ tất cả các luật sư và nhân viên hiện tại của mình và sẽ "kết hợp các nhóm quản lý gồm các đối tác từ mỗi công ty để đảm bảo sự chuyên tiếp liền mạch", bản phát hành cho biết.

164. Why was the article written?

- (A) To profile the career of a prominent lawyer
- (B) To promote legal services
- (C) To discuss the joining of two firms**
- (D) To announce a firm's relocation

Ta thấy câu "Công ty luật Boston Warner và Ames tuyên bố sáng nay rằng họ sẽ sáp nhập với công ty luật Philadelphia Hamilton Jones để tạo ra Công ty Warner, Hamilton và Cộng sự", và cả bài viết là những vấn đề thảo luận về việc sáp nhập đó, nên câu C là đáp án đúng.

165. What does Warner, Hamilton, and Associates plan to do?

- (A) Hire additional lawyers
- (B) Expand to a third city**
- (C) Change its leadership
- (D) Close its Philadelphia office

Ta thấy câu "Chúng tôi mong muốn tiếp tục công việc của mình tại Boston và Philadelphia và dự kiến sẽ mở thêm một văn phòng nữa ở Hartford...", nên câu B là đáp án đúng.

166. What is suggested about Ms. Warner?

- (A) She is based in Hartford.

164. Tại sao bài báo được viết?

- (A) Để mô tả sự nghiệp của một luật sư nổi tiếng
- (B) Để thúc đẩy các dịch vụ pháp lý
- (C) Để thảo luận về việc gia nhập của hai công ty**
- (D) Để thông báo di dời một công ty

165. Warner, Hamilton và Cộng sự dự định làm gì?

- (A) Thuê luật sư bổ sung
- (B) Mở rộng sang thành phố thứ ba**
- (C) Thay đổi sự lãnh đạo của nó
- (D) Đóng văn phòng Philadelphia

166. Điều gì được nói về cô Warner?

- (A) Cô ấy sống ở Hartford.





- (B) She plans to retire soon.  
(C) She sometimes offers free legal counsel.  
**(D) She is well-known nationally.**

Ta thấy câu "...cô Warner đã gặt hái được danh tiếng của mình thông qua việc đại diện thân chủ của mình trên khắp đất nước..." (Ms. Warner has garnered attention through her representation of clients across the country), đồng nghĩa với việc cô ấy đã nổi tiếng toàn quốc, nên câu D là đáp án đúng.

167. The word "seamless" in paragraph 4, line 4, is closest in meaning to

- (A) in a single piece  
**(B) without problems**  
(C) in close range  
(D) without hurry

Theo nghĩa đen thì "seamless (liền mạch)" có nghĩa là "liên tục" và đôi khi là "1 phần duy nhất", nhưng xét theo ngữ cảnh trong bài thì "seamless" ở đây có nghĩa bóng gần với "trơn tru", "không gặp vấn đề" (**without problems**), nên câu B là đáp án đúng.

- (B) Cô ấy dự định sẽ nghỉ hưu sớm.  
(C) Đôi khi cô ấy cung cấp tư vấn pháp lý miễn phí.  
**(D) Cô ấy nổi tiếng toàn quốc.**

167. Từ "liền mạch" trong đoạn 4, dòng 4, có nghĩa gần nhất với

- (A) trong 1 phần duy nhất  
**(B) không có vấn đề**  
(C) trong phạm vi gần  
(D) không vội vàng

To: maria\_bellandini@pweb.net  
From: thomas.mclaren@delicatessenmag. com  
Date: Tuesday, October 2  
Subject: Food Photography Article  
Dear Ms. Bellandini:

I have some news regarding your article that is scheduled to be published in the next issue of Delicatessen Magazine. - [1] - . Yesterday, we learned that a major advertiser canceled their contract with us, and as a result, we will have to reduce the number of pages in our upcoming issue. This is extremely unfortunate, but we just do not have enough money without these ads to publish the magazine in its current format. - [2] - .

We know that readers have enjoyed reading about your experiences in Italy. - [3] - . While your eight-page story about working as a food photographer is excellent, in order to fit in the slimmer issue, it will need to be cut by about thirty percent. Although I sincerely hope you agree to having your article published in our upcoming issue, I will understand if you would rather have the article published in full at a later time. However, I have to let you know that the magazine industry is not always the most stable business, and for this reason, I do not know if there will be space for your story in the future. - [4] - .

Please let me know as soon as possible what you would like to do. Should you agree to edit the story, I will need the new version by Monday.

Best regards,

Thomas McLaren, Editor-in-Chief

Tối: maria\_bellandini@pweb.net  
Từ: thomas.mclaren@delicatessenmag. com  
Ngày: Thứ Ba, ngày 2 tháng 10  
Chủ đề: Bài báo chụp ảnh món ăn  
Kính gửi cô Bellandini:

Tôi có một số tin liên quan đến bài viết của bạn dự kiến sẽ được xuất bản trong số tiếp theo của Tạp chí Món ăn ngon. - [1] - . Hôm qua, chúng tôi đã biết rằng một nhà quảng cáo lớn đã hủy hợp đồng với chúng tôi và do đó, chúng tôi sẽ phải giảm số lượng trang trong số phát hành sắp tới. Điều này là vô cùng đáng tiếc, nhưng chúng tôi không có đủ tiền nếu không có những quảng cáo này để xuất bản tạp chí ở định dạng hiện tại. - [2] - .

Chúng tôi biết rằng độc giả đã thích đọc về các trải nghiệm của bạn ở Ý. - [3] - . Mặc dù câu chuyện tám trang của bạn về làm việc như một nhiếp ảnh gia món ăn là tuyệt vời, để phù hợp với bản in mỏng hơn, nó sẽ cần phải được cắt giảm khoảng ba mươi phần trăm. Mặc dù tôi chân thành hy vọng bạn đồng ý để bài viết của bạn được xuất bản trong số báo sắp tới của chúng tôi, tôi sẽ hiểu được nếu bạn muốn có bài báo được xuất bản đầy đủ hơn vào lần sau. Tuy nhiên, tôi phải cho bạn biết rằng ngành tạp chí không phải lúc nào cũng là ngành kinh doanh ổn định nhất và vì lý do này, tôi không biết liệu sẽ có không gian cho câu chuyện của bạn trong tương lai. - [4] - .

Xin vui lòng cho tôi biết càng sớm càng tốt những gì bạn muốn làm. Nếu bạn đồng ý chỉnh sửa câu chuyện, tôi sẽ cần phiên bản mới vào thứ Hai.

Trân trọng,



	Thomas McLaren, Tổng biên tập
<p>168. What is implied about Delicatessen Magazine?</p> <p>(A) It plans to merge with another magazine. (B) It gives discounted subscriptions to staff. (C) <b>It relies on advertisements for funding.</b> (D) It offers long-term contracts to writers.</p> <p>Tạp chí này cần kinh phí từ các quảng cáo vì họ không có đủ tiền nếu không có các quảng cáo này (we just <b>do not have enough money without these ads</b>), vậy C là phương án đúng.</p> <p>169. How would Ms. Bellandini most likely revise her article?</p> <p>(A) <b>By making it shorter</b> (B) By changing the topic (C) By adding more information (D) By including more images of food</p> <p>Người viết có nói rằng để phù hợp thì tạp chí của cô Bellandini cần phải được cắt ngắn đi 30% (in order to fit in the slimmer issue, <b>it will need to be cut by about thirty percent</b>), vậy đây là khả năng cô ấy có thể phải làm trong việc sửa đổi bài viết, vậy A là phương án đúng</p> <p>170. What does Mr. McLaren NOT suggest to Ms. Bellandini?</p> <p>(A) Her previous articles were well liked. (B) <b>She should submit her article to another magazine.</b> (C) Her article might not be published in full at a later date. (D) She should notify him of her decision.</p> <p>Trong 4 phương án chỉ có B là không hề được nhắc đến trong bài, các phương án khác đều được nhắc đến A(We know that <b>readers have enjoyed reading about your experiences</b> in Italy), C (<b>I do not know if there will be space for your story in the future.</b>) và D (Please <b>let me know</b> as soon as possible <b>what you would like to do.</b>). B là phương án đúng.</p> <p>171. In which of the positions marked [1], [2], [3], and [4] does the following sentence best belong? "Of course, this is your choice, and I will respect whatever decision you make."</p> <p>(A) [1] (B) [2] (C) [3] (D) <b>[4]</b></p> <p>Trong 4 vị trí thì chỉ có vị trí 4 là có liên kết với các câu có ảnh hưởng về lựa chọn của cô ấy, vị trí [1] và [2] thì đang nói về việc dùng tài trợ, vị trí [3] thì nói về chủ đề của bài viết của cô ấy nên các vị trí này đều không phù hợp cho câu trên. Vậy D là phương án đúng</p>	<p>168. Điều gì được ngụ ý về Tạp chí Món ăn ngon?</p> <p>(A) Nó có kế hoạch hợp nhất với một tạp chí khác. (B) Nó cung cấp đăng ký giảm giá cho nhân viên. (C) <b>Nó dựa vào quảng cáo để nhận tài trợ.</b> (D) Nó cung cấp các hợp đồng dài hạn cho các nhà văn.</p> <p>169. Làm thế nào bà Bellandini rất có thể sửa đổi bài viết của mình?</p> <p>(A) <b>Bằng cách làm cho nó ngắn hơn</b> (B) Bằng cách thay đổi chủ đề (C) Bằng cách thêm thông tin (D) Bằng cách bao gồm nhiều hình ảnh về món ăn</p> <p>170. Ông McLaren KHÔNG gợi ý gì cho bà Bellandini?</p> <p>(A) Các bài viết trước của cô ấy rất được thích. (B) <b>Cô ấy nên gửi bài viết của mình cho một tạp chí khác.</b> (C) Bài viết của cô ấy có thể không được công bố đầy đủ vào một ngày sau đó. (D) Cô ấy nên thông báo cho anh ấy về quyết định của mình</p> <p>171. Trong các vị trí được đánh dấu [1], [2], [3] và [4] câu nào sau đây thuộc về câu nào tốt nhất? "Tất nhiên, đây là lựa chọn của bạn và tôi sẽ tôn trọng mọi quyết định của bạn."</p> <p>(A) [1] (B) [2] (C) [3] (D) <b>[4]</b></p>



**Delroy Gerew (1:29 P.M.):**

Hi, Ms.Chichester, we'd like to order another 10 shirts, featuring the company's name, Magnalook, and its logo. We need four small, two medium, and four large sizes. Could you fill the order by Friday?

**Nina Chichester (1:32 P.M.):**

That's two days from today, so a \$75 rush-order fee will be added.

**Delroy Gerew (1:34 P.M.):**

How can we avoid the fee?

**Nina Chichester (1:36 P.M.):**

By choosing the standard 5-day production option. Your order would be ready Monday of next week.

**Delroy Gerew (1:38 P.M.):**

I guess it can't be helped. Since we have employees starting this Friday and you open at 8:00 A.M., can I pick up the shirts at that time?

**Nina Chichester (1:39 P.M.):**

Pick-up time is normally after 1:00 P.M., but I'll see to it they're ready by 8:00 A.M.

**Delroy Gerew (1:41 P.M.):**

Thank you. Actually, my assistant will be picking them up.

**Nina Chichester (1:42 P.M.):**

That's fine. Could you please e-mail me your logo again? The computer on which I had it stored crashed the other day and is awaiting repair.

**Delroy Gerew (1:44 P.M.):**

Will do. Thanks, and please charge the credit card you have on file for us.

**Delroy Gerew (1:29 P.M.):**

Xin chào, cô Chichester, chúng tôi muốn đặt thêm 10 chiếc áo khác, có tên công ty là tên Magnalook và logo của công ty. Chúng ta cần bốn kích thước nhỏ, hai vừa và bốn lớn. Bạn có thể hoàn thành đơn hàng vào thứ sáu không?

**Nina Chichester (1:32 P.M.):**

Đó là hai ngày kể từ ngày hôm nay, vì vậy một khoản phí đặt hàng gấp là 75 đô la sẽ được thêm vào.

**Delroy Gerew (1:34 P.M.):**

Làm thế nào chúng ta có thể tránh được phí này?

**Nina Chichester (1:36 P.M.):**

Bằng cách chọn lựa chọn sản phẩm 5 ngày tiêu chuẩn. Đơn hàng của bạn sẽ sẵn sàng vào thứ Hai tuần sau.

**Delroy Gerew (1:38 P.M.):**

Tôi đoán nó không thể rồi. Vì chúng tôi có nhân viên bắt đầu vào thứ Sáu này và bạn mở cửa lúc 8:00 A.M., tôi có thể lấy áo vào thời điểm đó không?

**Nina Chichester (1:39 P.M.):**

Thời gian nhận hàng thường là sau 1:00 P.M., nhưng tôi sẽ thấy rằng họ đã sẵn sàng trước 8:00 A.M.

**Delroy Gerew (1:41 P.M.):**

Cảm ơn bạn. Thật ra thì trợ lý của tôi sẽ được nhận chúng.

**Nina Chichester (1:42 P.M.):**

Việc đó không sao. Bạn có thể vui lòng e-mail cho tôi logo của bạn một lần nữa? Máy tính mà tôi đã lưu trữ bị hỏng vào ngày kia và đang chờ sửa chữa.

**Delroy Gerew (1:44 P.M.):**

Sẽ làm. Cảm ơn, và vui lòng tính phí thẻ tín dụng mà bạn có trong hồ sơ cho chúng tôi.

172. What is suggested about the company Ms. Chichester works for?

- (A) It currently has no large-sized shirts in stock.
- (B) It has filled an order for Mr. Gerew before.
- (C) It offers discounts on large orders.
- (D) It is open every evening.

Ông Gerew có nói rằng mình muốn đặt thêm 10 cái áo nữa (we'd like to **order another 10 shirts**), chứng tỏ trước đó công ty này đã hoàn thành 1 đơn hàng cho ông rồi, vậy B là phương án đúng.

173. Why is Mr. Gerew ordering new shirts?

- (A) Additional staff members have been hired.

172. Điều gì được gợi ý về công ty mà cô Chichester làm việc là gì?

- (A) Nó hiện không có áo sơ mi cỡ lớn trong kho.
- (B) Nó đã điền đơn đặt hàng cho ông Gerew trước đó.
- (C) Nó cung cấp giảm giá cho các đơn đặt hàng lớn.
- (D) Nó mở cửa vào mỗi buổi tối.

173. Tại sao ông Gerew đặt hàng áo mới?

- (A) Nhân viên bổ sung đã được thuê.



- (B) More were sold than had been anticipated.  
(C) The company's logo has been changed.  
(D) The style currently in use has become outdated.

- (B) Đã bán nhiều hơn dự kiến.  
(C) Logo của công ty đã được thay đổi.  
(D) Phong cách hiện đang sử dụng đã trở nên lỗi thời.

Ông Gerew đã nói là có các nhân viên sẽ bắt đầu làm việc vào thứ 6 (Since we have **employees starting this Friday**), vậy nghĩa là công ty của ông có thêm nhân viên mới, vậy A là phương án đúng.

174. At 1:38 P.M., what does Mr. Gerew mean when he writes, "I guess it can't be helped"?

- (A) He will pay a \$75 rush-order fee.  
(B) He will ask his assistant to help him.  
(C) He will meet Ms. Chichester at 1 :00 P.M.  
(D) He will select the standard production option.

174. Vào lúc 1:38 P.M., ông Gerew có ý gì khi viết: "Tôi đoán điều đó không thể giúp được"?

- (A) Anh ấy sẽ trả một khoản phí đặt hàng gấp 75 đô la.  
(B) Anh ấy sẽ nhờ trợ lý của mình giúp anh ấy.  
(C) Anh ta sẽ gặp cô Chichester vào lúc 1: 00 P.M.  
(D) Anh ta sẽ chọn lựa chọn sản phẩm tiêu chuẩn.

Anh ấy nói vậy vì không thể chọn phương án được cô Chichester đưa ra mà phải chọn phương án trả 75 đô la tiền phí do anh ấy cần áo vào thứ 6 chứ không phải thứ 2 tuần sau (I guess it can't be helped. **Since we have employees starting this Friday**), vậy A là phương án đúng.

175. What will Mr. Gerew likely do next?

- (A) Provide payment information to Ms. Chichester  
(B) Schedule a meeting with Ms. Chichester  
(C) Send an e-mail to Ms. Chichester  
(D) Fix Ms. Chichester's computer

175. Ông Gerew có thể sẽ làm gì tiếp theo?

- (A) Cung cấp thông tin thanh toán cho cô Chichester  
(B) Lên lịch một cuộc họp với cô Chichester  
(C) **Gửi e-mail cho cô Chichester**  
(D) Sửa máy tính của cô Chichester

Trước đó cô Chichester có yêu cầu ông Gerew gửi e-mail cho cô ấy logo muốn in trên áo (Could you please **e-mail me your logo again?** ) và anh ấy nói sẽ làm (Will do), vậy C là phương án đúng.

#### E-Mail Message

To: staffmailinglist@coltonmedical.org  
From: Melvin Myers <mmyers@coltonmedical.org>  
Date: June 10  
Subject: Parking area reassignment

Dear Colleagues:

I just want to remind everyone that crews will begin construction on the new Colton Medical Nutrition Center on June 18.

Effective June 15, parking areas F and G will be closed until August 20, when construction is expected to be completed. Staff currently assigned to park in areas F and G will be given temporary "guest" parking stickers and must park in the guest-parking garage. The Property Maintenance Office will place stickers in staff mailboxes by 4 P.M. today. The sticker should be displayed on the driver's side window of the vehicle.

A construction access road will be created by closing the entrance and exit roads to parking areas F and G. This will also block access to the security building

#### Tin nhắn e-mail

Tới: staffmailinglist@coltonmedical.org  
Từ: Melvin Myers <mmyer@coltonmedical.org>  
Ngày: 10 tháng 6

Chủ đề: Tái chỉ định khu vực đỗ xe

Kính thưa các đồng nghiệp:

Tôi chỉ muốn nhắc nhở mọi người rằng các đội ngũ sẽ bắt đầu việc xây dựng Trung tâm Dinh dưỡng Y tế Colton mới vào ngày 18 tháng 6.

Bắt đầu từ ngày 15 tháng Sáu, khu vực đỗ xe F và G sẽ đóng cửa cho đến ngày 20 tháng 8, khi việc xây dựng dự kiến sẽ hoàn thành. Nhân viên hiện được chỉ định đỗ tại các khu vực F và G sẽ được nhân dân đậu xe tạm thời cho khách và phải đỗ trong nhà để xe của khách. Văn phòng bảo trì tài sản sẽ đặt các nhãn dán trong hộp thư của nhân viên trước 4 P.M. hôm nay. Nhãn dán phải được hiển thị trên cửa sổ phía người lái xe.

Một con đường vào công trường xây dựng sẽ được tạo ra bằng cách đóng các lối vào và lối ra vào khu vực đỗ xe F và G. Điều này cũng sẽ chặn lối vào tòa nhà an





<p>and the pond. However, a temporary alternative entranceway to those locations will be created. To help eliminate excessive traffic, please visit those places only when absolutely necessary. Take note that the Information Center at the main entrance will remain open during construction.</p> <p>Please e-mail me directly with any questions regarding parking stickers.</p> <p>Sincerely, Melvin Myers Property Maintenance</p>	<p>ninh và cái ao. Tuy nhiên, một lối vào thay thế tạm thời cho các địa điểm đó sẽ được tạo ra. Để giúp loại bỏ lượng giao thông quá mức, vui lòng chỉ ghé thăm những nơi đó khi thực sự cần thiết. Xin lưu ý rằng Trung tâm thông tin ở lối vào chính sẽ vẫn mở trong khi xây dựng.</p> <p>Vui lòng gửi email trực tiếp cho tôi với bất kỳ câu hỏi liên quan đến nhãn dán đậu xe.</p> <p>Trân trọng, Melvin Myers Phòng bảo trì tài sản</p>
<p><b>WELCOME TO COLTON MEDICAL CAMPUS INFORMATION CENTER PLEASE CHECK IN BEFORE PROCEEDING</b></p> <p><b>ATTENTION STAFF: PARKING AREAS F &amp; G CLOSED UNTIL SEPTEMBER 10</b></p> <p>Staff members who normally use these areas and who have not yet received a temporary parking sticker should request one at the security station. A valid access card and staff I.D. are required.</p> <p>Cars will be immediately towed away if parked next to pedestrian areas, including all walkways, temporary rest areas, and construction tents. Owners of cars parked in the garage without a sticker displayed on the window will be fined \$25 per day. Security officers are available to assist you.</p>	<p><b>CHÀO MỪNG BẠN ĐẾN TRUNG TÂM THÔNG TIN CAMPUS Y TẾ XIN VUI LÒNG KIỂM TRA TRƯỚC KHI XỬ LÝ</b></p> <p><b>NHÂN VIÊN CHÚ Ý: KHU ĐỖ XE F &amp; G ĐÓNG CỬA ĐẾN NGÀY 10 THÁNG 9</b></p> <p>Nhân viên thường sử dụng các khu vực này và chưa nhận được nhãn dán đậu xe tạm thời nên yêu cầu có 1 cái tại các trạm an ninh. Thẻ ra vào hợp lệ và thẻ nhân viên được yêu cầu.</p> <p>Ô tô sẽ bị kéo đi ngay lập tức nếu đỗ cạnh khu vực dành cho người đi bộ, bao gồm tất cả các lối đi, khu vực nghỉ ngơi tạm thời và lều xây dựng. Chủ sở hữu của những chiếc xe đậu trong nhà để xe mà không có nhãn dán hiển thị trên cửa sổ sẽ bị phạt 25 đô la mỗi ngày.</p> <p>Nhân viên an ninh sẵn sàng để hỗ trợ bạn.</p>

176. Why are parking areas being closed?

- (A) They are being resurfaced.
- (B) They are being reserved for guests.
- (C) An outdoor event will be held on them.
- (D) **A construction project is scheduled to begin.**

Trong bài có nói các bãi giữ xe sẽ đóng cho đến khi công trình xây dựng hoàn thành (parking areas F and G will be closed until August 20, when **construction is expected to be completed.**), vậy D là phương án đúng.

177. According to the e-mail, who will receive a temporary parking sticker?

- (A) Anyone who is visiting the medical campus
- (B) **Anyone who usually parks in areas F and G**
- (C) Anyone who usually parks in the parking garage
- (D) Anyone who requests one from the maintenance office

Các nhân viên gửi xe ở các khu vực F và G sẽ được nhận nhãn dán đậu xe tạm thời (**Staff currently assigned to park in areas F and G** will be given temporary "guest" parking stickers), vậy B là phương án đúng.

178. Why should staff members limit their visits to the security building?

- (A) So that visitors can enjoy the pond
- (B) **So that fewer cars will be in the area**

176. Tại sao các khu vực đỗ xe bị đóng cửa?

- (A) Họ đang được rải nhựa lại.
- (B) Họ đang được dành riêng cho khách.
- (C) Một sự kiện ngoài trời sẽ được tổ chức trên chúng.
- (D) **Một dự án xây dựng dự kiến sẽ bắt đầu.**

Trong bài có nói các bãi giữ xe sẽ đóng cho đến khi công trình xây dựng hoàn thành (parking areas F and G will be closed until August 20, when **construction is expected to be completed.**), vậy D là phương án đúng.

177. Theo e-mail, ai sẽ nhận được một nhãn dán đậu xe tạm thời?

- (A) Bất cứ ai đến thăm cơ sở y tế
- (B) **Bất cứ ai thường đỗ xe ở khu vực F và G**
- (C) Bất cứ ai thường đậu trong nhà để xe
- (D) Bất cứ ai yêu cầu một cái từ văn phòng bảo trì

Các nhân viên gửi xe ở các khu vực F và G sẽ được nhận nhãn dán đậu xe tạm thời (**Staff currently assigned to park in areas F and G** will be given temporary "guest" parking stickers), vậy B là phương án đúng.

178. Tại sao nhân viên nên hạn chế các chuyến thăm của họ đến tòa nhà an ninh?

- (A) Để du khách có thể thưởng thức ao
- (B) **Vì vậy, sẽ có ít xe hơn trong khu vực**



(C) So that security staff can monitor traffic

(D) So that visitors can get to the Information Center

Ta thấy thông tin rằng để giao thông không bị tăng quá mức thì nhân viên nên hạn chế ra vào (To help **eliminate excessive traffic**, please visit those places only when absolutely necessary.), vậy B là phương án đúng.

179. What changed after the e-mail was sent on June 10?

(A) Which parking areas are being closed

(B) Where staff should park their vehicles

(C) Where parking stickers should be displayed

(D) **How long some parking areas will be closed**

(C) Để nhân viên an ninh có thể giám sát giao thông

(D) Để khách truy cập có thể đến Trung tâm thông tin

Điều gì đã thay đổi sau khi e-mail được gửi vào ngày 10 tháng 6?

(A) Khu vực đỗ xe nào đang bị đóng cửa

(B) Nhân viên nên đỗ xe ở đâu

(C) Nơi mà nhân dân đậu xe nên được hiển thị

(D) **Một số khu vực đậu xe sẽ bị đóng cửa trong bao lâu**

Thời gian trong e-mail ngày 10 tháng 8 nói rằng bãi giữ xe sẽ đóng đến ngày 20 tháng 8 nhưng trong thông báo lại nói bãi giữ xe đóng đến 10 tháng 9, vậy thời gian đóng cửa bị thay đổi, D là phương án đúng.

180. According to the notice, why might a staff member's car be towed?

(A) **If it is parked near a walkway**

(B) If it is parked in the visitors' area

(C) If it does not display a parking sticker

(D) If it is parked in the garage after August 20

Trong thông báo có nói các xe sẽ bị kéo đi nếu đỗ cạnh khu vực cho người đi bộ, bao gồm các lối đi (Cars will be immediately towed away if parked next to pedestrian areas, **including all walkways**), vậy A là phương án đúng.

180. Theo thông báo, tại sao xe của nhân viên có thể bị kéo đi?

(A) **Nếu nó đậu gần lối đi**

(B) Nếu nó được đỗ trong khu vực của du khách

(C) Nếu nó không hiển thị nhãn dán đậu xe

(D) Nếu nó được đỗ trong nhà để xe sau ngày 20 tháng 8

## SURVEY

Please take a few minutes to complete this survey about your shopping experience at Woodruff's. Indicate your answer using the 5-point scale to the right of each statement. (1 = Strongly Disagree, 2 = Disagree, 3 = No Opinion, 4 = Agree, 5 = Strongly Agree)

The store was clean and organized in appearance. ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5

There was a wide selection of items in my size. ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5

There were dressing rooms available for me to use. ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5

The salespeople were courteous and attentive to me. ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

The items were priced well compared to other stores. ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5

I am satisfied overall with my experience at Woodruff's. ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5

Amount you spent on this purchase: \$60

Age (optional): ☐ 16-25 ☐ 26-35 ☒ 36-45 ☐ 46-55 ☐ 56-65 ☐ 66+

## KHẢO SÁT

Vui lòng dành vài phút để hoàn thành khảo sát này về trải nghiệm mua sắm của bạn tại Woodruff's. Cho biết câu trả lời của bạn bằng cách sử dụng thang điểm 5 ở bên phải của mỗi câu. (1 = Rất không đồng ý, 2 = Không đồng ý, 3 = Không có ý kiến, 4 = Đồng ý, 5 = Rất đồng ý)

Các cửa hàng được sạch sẽ và có tổ chức trong việc trưng bày. ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5

Có nhiều lựa chọn các mặt hàng trong nhu cầu của tôi. ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5

Có phòng thay đồ có sẵn cho tôi sử dụng.

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5

Nhân viên bán hàng lịch sự và chu đáo với tôi.

☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

Các mặt hàng đã được định giá tốt so với các cửa hàng khác. ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5

Tôi hài lòng về tổng thể với trải nghiệm của mình tại Woodruff. ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5

Số tiền bạn đã chi cho mua hàng này: \$ 60

Tuổi (tùy chọn): ☐ 16-25 ☐ 26-35 ☒ 36-45 ☐ 46-55 ☐ 56-65 ☐ 66+

Tên (tùy chọn): Consuela Torres



Name (optional): Consuela Torres E-mail (optional): catorres81@aumail.co.au	E-mail (tùy chọn): catorres81@aumail.co.au
<p>From: Customer Service &lt;custserv@woodruff.co.au&gt; To: Consuela Torres &lt;catorres81@aumail.co.au&gt; Date: Friday, 27 April 2:40 P.M. Subject: Survey Attachment: Voucher Dear Ms. Torres: Thank you for taking the time to complete a survey about your recent experience at Woodruff's. We appreciate that so many people took the time to provide us with feedback since it helps us to improve the quality of our service. We were happy to learn that your overall experience shopping at Woodruff's was a positive one. However, we were sorry to see that you shared one area of dissatisfaction with a significant proportion of the customers who responded to the survey. I want you to know that we are taking the survey results seriously. We plan to improve this area with training soon. As an apology for our failure to meet high standards in all areas, I have attached a voucher for 15% off a future purchase (good for one year) at any of our three Clarksville locations. We look forward to serving you in the future. Sincerely, Marietta Passante</p>	<p>Từ: Dịch vụ khách hàng &lt;cowerserv@woodruff.co.au&gt; Tới: Consuela Torres &lt;catorres81@aumail.co.au&gt; Ngày: Thứ Sáu, 27 tháng Tư 2:40 P.M. Chủ đề: Khảo sát Tài liệu đính kèm: Phiếu quà tặng Cô Torres thân mến: Cảm ơn bạn đã dành thời gian để hoàn thành một khảo sát về trải nghiệm gần đây của bạn tại Woodruff's. Chúng tôi đánh giá cao rằng rất nhiều người đã dành thời gian để cung cấp cho chúng tôi thông tin phản hồi vì nó giúp chúng tôi cải thiện chất lượng dịch vụ của mình. Chúng tôi rất vui khi biết rằng trải nghiệm mua sắm tổng thể của bạn tại Woodruff là một điều tích cực. Tuy nhiên, chúng tôi rất tiếc khi thấy bạn chia sẻ một lĩnh vực không hài lòng với một tỷ lệ đáng kể khách hàng đã trả lời khảo sát. Tôi muốn bạn biết rằng chúng tôi đang thực hiện nghiêm túc các kết quả khảo sát. Chúng tôi có kế hoạch cải thiện khu vực này với việc tập huấn sớm nhất. Như một lời xin lỗi về việc chúng tôi không đáp ứng các tiêu chuẩn cao trong tất cả các lĩnh vực, tôi đã đính kèm một phiếu giảm giá 15% cho giao dịch mua trong tương lai (tốt trong một năm) tại bất kỳ địa điểm nào trong ba địa điểm Clarksville của chúng tôi. Chúng tôi mong được phục vụ bạn trong tương lai. Trân trọng, Marietta Passante</p>

181. What type of business is Woodruff's?

- (A) A computer software company
- (B) A clothing store**
- (C) A mobile-phone service provider
- (D) A consulting firm

Ta thấy có dòng miêu tả việc ở Woodruff's có phòng thay đồ để khách thử quần áo (There were **dressing rooms available for me to use**) nên đây là 1 cửa hàng quần áo, vậy B là phương án đúng

182. With what statement about Woodruff's would Ms. Torres most likely agree?

- (A) It is located close to her home.
- (B) It has a large staff.
- (C) It is relatively inexpensive.**
- (D) It is open later than other businesses

Cô Torres đã đồng ý hoàn toàn với việc giá ở đây được định giá ổn so với các chỗ khác (The items were **priced well** compared to other stores.), vậy nghĩa là nó không quá đắt, vậy C là phương án đúng.

183. In the e-mail, the word "appreciate" in paragraph 1, line 2, is closest in meaning to

- (A) increase

181. Loại hình kinh doanh của Woodruff là gì?

- (A) Một công ty phần mềm máy tính
- (B) Một cửa hàng quần áo**
- (C) Một nhà cung cấp dịch vụ điện thoại di động
- (D) Một công ty tư vấn

182. Với tuyên bố nào về Woodruff, bà Torres rất có thể đồng ý?

- (A) Nó nằm gần nhà cô ấy.
- (B) Nó có một đội ngũ nhân viên lớn.
- (C) Nó tương đối rẻ.**
- (D) Nó mở cửa muộn hơn các doanh nghiệp khác

183. Trong e-mail, từ "đánh giá cao" trong đoạn 1, dòng 2, có nghĩa gần nhất với

- (A) Tăng

- (B) order  
(C) understand  
(D) **value**

Ở đây từ “appreciate” chỉ có thể có nghĩa là trân trọng vì đây là dành cho sự giúp đỡ của khách hàng qua việc hoàn thành các khảo sát, vậy D là phương án đúng.

184. What most likely is Woodruff's planning to do?

- (A) **Teach its employees to be more friendly and helpful to customers**  
(B) Make the workplace cleaner and more organized  
(C) Open an additional location in Clarksville  
(D) Offer a discount voucher to all customers who complete a survey

E-mail có nói rằng cô Torres có sự không hài lòng về 1 lĩnh vực, trong bản khảo sát ta có thể thấy đây là về các nhân viên (The **salespeople** were courteous and attentive to me), sau đó e-mail cũng nói rằng sẽ cải thiện lĩnh vực này thông qua tập huấn (We plan to improve this area with **training** soon.), vậy có thể thấy A thể hiện đúng việc này nhất nên là phương án đúng

185. What is suggested about the survey?

- (A) **It has been taken by many customers.**  
(B) It was created by Ms. Passante.  
(C) It is accessible on the company Web site.  
(D) It has been in use for one year.

Trong e-mail có nói rằng cô ấy có cùng điểm không hài lòng với số lượng lớn các khách hàng đã phản hồi về khảo sát (you shared one area of dissatisfaction with **a significant proportion of the customers who responded to the survey.**), vậy chúng ta còn nhiều khách hàng khác đã làm bản khảo sát này, vậy A là đáp án đúng

- (B) Đặt hàng  
(C) Hiểu  
(D) **Trân trọng**

184. Kế hoạch của Woodruff có khả năng là gì?

- (A) **Dạy nhân viên của mình thân thiện và hữu ích hơn với khách hàng**  
(B) Làm cho nơi làm việc sạch sẽ và ngăn nắp hơn  
(C) Mở một địa điểm khác trong Clarksville  
(D) Cung cấp một phiếu giảm giá cho tất cả các khách hàng hoàn thành một cuộc khảo sát

185. Điều gì được gợi ý về khảo sát?

- (A) **Nó đã được thực hiện bởi nhiều khách hàng.**  
(B) Nó được tạo ra bởi cô Passante.  
(C) Nó có thể truy cập trên trang web của công ty.  
(D) Nó đã được sử dụng trong một năm.

**McGivern Wholesale**

1486 Beden Trail, Brampton ON L6R2K7  
905-555-0158 • www.mcgivernwholesale.ca

**Ordered By:** Deshauna's Creations

**Order Date:** October 12

Item	Item name	Quantity	Price each	Amount
14L	3 m table linens, cream	4	\$26.00	\$104.00
17P	25 cm dinner plates, pale blue	40	\$4.40	\$176.00
18S	50 cm serving dishes, white	20	\$7.5	\$159.00
21G	350 ml water goblets, amber	40	\$3.25	\$130.00

**Subtotal** \$569.00

**Tax (HST)** \$73.97

**Shipping** \$30.00

**Đại lí bán sỉ McGivern**

1486 Đường ray Beden, Brampton ON L6R2K7  
905-555-0158 • www.mcgivernwholesale.ca

**Đặt bởi:** Deshauna's Creations

**Ngày đặt:** 12 tháng Mười

Sản phẩm	Tên sản phẩm	Số lượng	Giá bán lẻ	Thành tiền
14L	Vải bàn 3 mét màu kem	4	26 đô	104 đô
17P	Dĩa ăn 25 cm, xanh nhạt	40	4.4 đô	176 đô
18S	Dĩa mang thức ăn 50 cm	20	7.5 đô	159 đô
21G	Cốc nước 350 ml, hổ phách	40	3.25 đô	130 đô

**Tổng số phụ:** 569 đô

**Thuế (HST):** 73.97 đô

<b>Total \$672.97</b> <b>Payment is due upon receipt.</b>	<b>Vận chuyển:</b> 30 đô <b>Tổng cộng:</b> 672.97 đô <b>Thanh toán khi nhận biên lai</b>
<b>To:</b> Pete McGivern <pete.mcgivern@mcgivernwholesale.ca> <b>From:</b> Deshauna Jacques <deshaunajacques@deshaunascreations.ca> <b>Subject:</b> October order <b>Date:</b> October 17 Dear Mr. McGivern, I received my October order, but there were some errors. I received 20 dinner plates instead of 40, and seven water goblets arrived with cracks in the glass. Have you switched shipping carriers recently? I have been a loyal customer since you opened five years ago, and never before have I experienced problems with an order. Incidentally, you might like to know that I spoke this morning with Ed Salek, owner of nearby Salek's Cafe. He mentioned that his last delivery from you had some mistakes too. How soon can you fix my order? I have three parties coming up next week, so I need these items quickly. Sincerely, Deshauna Jacques	<b>Đến:</b> Pete McGivern <pete.mcgivern@mcgivernwholesale.ca> <b>Từ:</b> Deshauna Jacques <deshaunajacques@deshaunascreations.ca> <b>Chủ đề:</b> đơn đặt hàng tháng Mười Ngày: 17 tháng Mười Ông McGivern thân mến, Tôi đã nhận được đơn đặt hàng tháng mười, nhưng có một số sai sót trong đó. Tôi nhận được 20 đĩa ăn thay vì 40, và bảy chiếc cốc nước có vết nứt trên kính. Liệu gần đây ông đã chuyển hãng vận tải? Tôi đã là một khách hàng thân thiết kể từ khi công ty ông mở cửa năm năm trước, và chưa bao giờ tôi gặp vấn đề với một đơn đặt hàng nào. Một cách tình cờ, ông có thể muốn biết rằng tôi đã nói chuyện sáng nay với Ed Salek, chủ sở hữu của quán cà phê Salek gần đó. Anh ấy đề cập rằng đợt giao hàng vừa qua của anh ấy từ công ty cũng có một số sai sót. Bao lâu thì ông có thể sửa đơn hàng của tôi? Tôi có ba bữa tiệc sắp diễn ra vào tuần tới, nên tôi cần những vật phẩm này một cách nhanh chóng. Trân trọng, Deshauna Jacques
<b>To:</b> Deshauna Jacques <deshaunajacques@deshaunascreations.ca> <b>From:</b> Pete McGivern <pete.mcgivern@mcgivernwholesale.ca> <b>Subject:</b> Re: October order <b>Date:</b> October 17 Dear Ms. Jacques, I was very sorry to learn about your order, and about Mr. Salek's as well; I will extend my apology to him today. You are a valued customer, and I am embarrassed that you received such a poor shipment. We are in the middle of moving to a new warehouse, and it has not gone as smoothly as I had hoped. Regardless, I want to make amends as soon as possible. I have put in an order to correct the mistakes, and I hope you will accept a 15 percent discount on your next shipment. Just use code 150 when placing your order. Please let me know if there is anything else I can do to correct this. Yours sincerely,	<b>Đến:</b> Deshauna Jacques <deshaunajacques@deshaunascreations.ca> <b>Từ:</b> Pete McGivern <pete.mcgivern@mcgivernwholesale.ca> <b>Chủ đề:</b> Đáp lại: Đơn hàng tháng Mười <b>Ngày:</b> 17 tháng Mười Thân gửi cô Jacques, Tôi rất lấy làm tiếc khi biết về đơn đặt hàng của cô và cũng như của ông Salek; Tôi sẽ gửi lời xin lỗi đến anh ấy trong hôm nay. Cô là một khách hàng có quý giá, và tôi xấu hổ vì cô đã nhận được một lô hàng kém như vậy. Chúng tôi đang trong quá trình chuyển đến một nhà kho mới, và điều đó đã không diễn ra suôn sẻ như tôi mong đợi. Dù vậy, tôi muốn sửa đổi càng sớm càng tốt. Tôi đã sửa chữa những sai sót trong một đơn hàng và tôi hy vọng cô sẽ nhận giảm giá 15 phần trăm cho đợt hàng tiếp theo. Chỉ cần sử dụng mã 150 khi đặt hàng. Xin vui lòng cho tôi biết nếu tôi có thể làm gì khác để sửa lỗi này.



Pete McGivern	Trần trọng, Pete McGivern
<p>186. Why was the first e-mail sent?</p> <p>(A) To ask for customer feedback (B) <b>To seek a solution to a problem</b> (C) To request a refund on an item (D) To cancel an order for tableware</p> <p>Trong email đầu tiên, người gửi thư đến để thông báo về vấn đề với đơn hàng (there were some errors. I received 20 dinner plates instead of 40, and seven water goblets arrived with cracks in the glass) và muốn được giải quyết nhanh chóng (How soon can you fix my order? I have three parties coming up next week, so I need these items quickly) nên câu B là đáp án đúng.</p> <p>187. What item was received damaged?</p> <p>(A) 14L (B) 17P (C) 18S (D) <b>21G</b></p> <p>Như đã nói, đơn hàng về đĩa và cốc có vấn đề, trong đó cốc uống nước bị nứt (seven water <b>goblets</b> arrived with <b>cracks</b> in the glass) với mã là 21G nên câu D là đáp án đúng.</p> <p>188. In the second e-mail, the word "extend" in paragraph 1, line 1, is closest in meaning to</p> <p>(A) <b>offer</b> (B) delay (C) continue (D) increase</p> <p>Từ "extend" trong cụm "<b>extend</b> my apology" tương tự như "offer my apology" có nghĩa là "đưa ra lời xin lỗi" nên câu A là đáp án đúng.</p> <p>189. What is NOT indicated about McGivern Wholesale?</p> <p>(A) It does business with restaurants. (B) It is changing the location of a facility. (C) It has been operating for five years. (D) <b>It is revising its price list.</b></p> <p>Câu A nói về cơ sở này vì họ đang làm ăn với nhà hàng của cô Jacques và ta có thể hiểu loại hình kinh doanh của cô ấy là nhà hàng thông qua chi tiết như "I have three parties coming up next week" và "I received 20 <b>dinner plates</b> instead of 40, and seven <b>water goblets</b> arrived with cracks in the glass". Câu B cũng đúng vì họ đang di chuyển đến nhà kho mới (We are in the middle of moving to a new warehouse). Câu C cũng nói về doanh nghiệp này vì cô Jacques đã nói "I have been a loyal customer <b>since you opened five years ago</b>". Câu D không có trong bài đọc nên là đáp án đúng.</p> <p>190. What will McGivern Wholesale give to Ms. Jacques?</p> <p>(A) A rebate on shipping charges (B) An extra package of table linens (C) <b>A reduced price on her next order</b> (D) An updated invoice</p> <p>Như lời xin lỗi cho cô Jacques, đại lý bán sỉ đã cung cấp giảm giá 15% cho đơn hàng tiếp theo của cô ấy (I hope you will accept a 15 percent <b>discount</b> on your next shipment) với "reduced price = discount" nên câu C là đáp án đúng.</p>	<p>186. Tại sao email đầu tiên được gửi đến?</p> <p>(A) Để yêu cầu phản hồi khách hàng (B) <b>Để tìm kiếm một giải pháp cho một vấn đề</b> (C) Để yêu cầu hoàn lại tiền cho một mặt hàng (D) Để hủy đơn hàng cho bộ dụng cụ đồ ăn</p> <p>187. Mặt hàng nào đã bị hư hại?</p> <p>(A) 14L (B) 17P (C) 18S (D) <b>21G</b></p> <p>188. Trong email thứ hai, từ "đưa ra" trong đoạn 1, dòng 1, có nghĩa gần nhất với</p> <p>(A) <b>đề nghị</b> (B) chậm trễ (C) tiếp tục (D) tăng</p> <p>189. Điều gì KHÔNG nói về Đại lý Bán sỉ McGivern?</p> <p>(A) Làm ăn với các nhà hàng. (B) Đang thay đổi vị trí của một cơ sở. (C) Đã hoạt động được năm năm. (D) <b>Đang sửa đổi bảng giá của nó.</b></p> <p>190. Đại lý bán sỉ McGivern sẽ đưa gì cho Cô Jacques?</p> <p>(A) Giảm phí vận chuyển (B) Một gói khăn trải bàn tặng thêm (C) <b>Giảm giá cho đơn hàng tiếp theo của cô ấy</b> (D) Hóa đơn cập nhật</p>



Reddford Construction 450 Matilda Drive Lexington, Kentucky 40502 <b>Prepared for:</b> Jenny Choi, 518 Buffalo Springs Road <b>Prepared by:</b> Gabriel Nunez		<b>Date:</b> March 15 <b>Cost Estimate No.:</b> 50190	Công ty xây dựng Reddford 450 đường Matilda Lexington, Kentucky 40502 <b>Chuẩn bị cho:</b> Jenny Choi, 518 đường Buffalo Springs <b>Chuẩn bị bởi:</b> Gabriel Nunez		<b>Ngày:</b> 15 tháng Ba <b>Số ước lượng chi phí:</b> 50190
<b>Description</b>	<b>Amount</b>	<b>Cost</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Chi phí</b>
Unglazed ceramic floor tiles(@ \$2.49/tile)	400	\$996.00	Unglazed ceramic floor tiles (2.49 đô một miếng)	400	996.00 đô
Premium bright white grout (@ \$32.99/gallon)	5	\$164.95	Vữa trắng cao cấp (32.99 đô/gallon)	5	164.95 đô
Labor for preparation, installation, and cleanup (@ \$35/hour)	16	\$560.00	Nhân công chuẩn bị, lắp đặt và lau dọn (35 đô/giờ)	16	560.00 đô
<b>ESTIMATE TOTAL \$1,720.95</b>			<b>TỔNG CHI PHÍ ƯỚC LƯỢNG 1.720.95 đô</b>		
All estimates are valid for one month unless otherwise specified			Tất cả các ước tính có giá trị trong một tháng trừ khi có thay đổi khác		
<b>New Lexington City Ordinance</b> As of March 30, all construction companies must have a building permit (\$100 for residential buildings; \$300 for commercial buildings) before beginning a renovation project for each client. To complete an application for your construction project, contact City Hall at 859-555-0103.			<b>Sắc lệnh mới của thành phố Lexington</b> Kể từ ngày 30 tháng Ba, tất cả các công ty xây dựng phải có giấy phép xây dựng (100 đô la cho các tòa nhà dân cư; 300 đô la cho các tòa nhà thương mại) trước khi bắt đầu dự án sửa chữa cho mỗi khách hàng. Để hoàn thành đăng kí cho dự án xây dựng, liên hệ với Tòa Thị Chính theo số 859-555-0103.		
<b>To:</b> Gabriel Nunez <gnunez@reddfordcon.com> <b>From:</b> Jenny Choi <jchoi86@citymail.com> <b>Date:</b> Friday, April 2 10:12 A.M <b>Subject:</b> Permits Dear Mr. Nunez: I'm writing concerning the job in my dining room that I'd like to contract you for. I'd like work to begin on April 10, but after looking at the estimate you sent me, I have a question about your calculation of the total cost. Specifically, does your estimate take into account any permits that would be needed for the job? A colleague told me that there is an ordinance that went into effect last month requiring building permits for any renovation project. I really liked the job you did installing carpeting and painting in my living room last year, and I would prefer			<b>Tới:</b> Gabriel Nunez <gnunez@reddfordcon.com> <b>Từ:</b> Jenny Choi <jchoi86@citymail.com> <b>Ngày:</b> Thứ Sáu, ngày 2 tháng Tư 10:12 Sáng <b>Chủ đề:</b> Giấy phép Gửi anh Nunez: Tôi viết về công việc sửa chữa trong phòng ăn của tôi mà tôi muốn ký hợp đồng với anh. Tôi muốn công việc bắt đầu vào ngày 10 tháng Tư, nhưng sau khi xem ước tính mà anh đã gửi cho tôi, tôi có một câu hỏi về tính toán tổng chi phí của anh. Cụ thể là, ước tính của anh có bao gồm bất kỳ giấy phép nào cần thiết cho công việc không? Một đồng nghiệp nói với tôi rằng có một sắc lệnh đã có hiệu lực vào tháng trước, yêu cầu giấy phép xây dựng cho bất kỳ công việc sửa chữa nào. Tôi thực sự thích công việc lắp đặt thảm và sơn trong phòng		



to work with a company that I know. However, I am on a tight budget, so I need to consider the charge for the building permit in the overall cost of the project. Could you please get back to me at your earliest convenience?

Sincerely,  
Jenny Choi

khách của tôi năm ngoái, và tôi muốn làm việc với một công ty mà tôi biết. Tuy nhiên, tôi đang trong tình trạng ngân sách eo hẹp, vì vậy tôi cần xem xét chi phí cho giấy phép xây dựng trong phí tổng của dự án. Anh có thể vui lòng báo tôi trong thời gian sớm nhất?

Trân trọng,  
Jenny Choi

191. On April 10, what work does Ms. Choi want Mr. Nunez to do for her?

- (A) Deliver furniture
- (B) Install tiles**
- (C) Clean the living room carpets
- (D) Paint the dining room walls

Trong đoạn đọc đầu, ta thấy những chi phí của cô Choi xoay quanh gạch, vôi và nhân công (Unglazed ceramic floor tiles; Premium bright white grout; Labor for preparation, installation, and cleanup) nên câu B là đáp án đúng nhất.

192. What will happen after April 15?

- (A) Ms. Choi's application will be reviewed.
- (B) Ms. Choi will receive a final bill.
- (C) The new city ordinance will go into effect.
- (D) The cost estimate will become invalid**

Như ta có thể thấy, sau một tháng thì ước tính của ông Nunez không còn hợp lệ (*All estimates are valid for one month unless otherwise specified*) do sau 15/4 là quá 1 tháng sau 15/3 nên câu D là đáp án đúng.

193. How much will likely be added to Ms. Choi's estimate?

- (A) \$32.99
- (B) \$35.00
- (C) \$100.00**
- (D) \$300.00

Theo sắc lệnh mới thì ước tính giá của cô Choi sẽ tăng thêm 100 đô vì là nhà dân cư (\$100 for residential buildings) nên câu C là đáp án đúng.

194. In the e-mail, the word "contract" in paragraph 1, line 1, is closest in meaning to

- (A) reduce
- (B) retain**
- (C) collect
- (D) purchase

Câu B là đáp án đúng vì "contract" và "retain" đều có nghĩa là thuê.

195. What does Ms. Choi indicate about Reddford Construction?

- (A) She has hired them for a job before.**

191. Vào ngày 10 tháng Tư, cô Choi muốn ông Nunez làm gì?

- (A) Giao nội thất
- (B) Lót gạch**
- (C) Làm sạch thảm phòng khách
- (D) Sơn tường phòng ăn

192. Điều gì sẽ xảy ra sau ngày 15 tháng Tư?

- (A) đăng kí của cô Choi sẽ được xem xét.
- (B) Cô Choi sẽ nhận được hóa đơn cuối cùng.
- (C) Sắc lệnh thành phố mới sẽ có hiệu lực.
- (D) ước tính chi phí sẽ không còn hợp lệ**

Như ta có thể thấy, sau một tháng thì ước tính của ông Nunez không còn hợp lệ (*All estimates are valid for one month unless otherwise specified*) do sau 15/4 là quá 1 tháng sau 15/3 nên câu D là đáp án đúng.

193. Ước tính của cô Choi sẽ thêm vào bao nhiêu?

- (A) 32,99 đô
- (B) 35,00 đô
- (C) 100,00 đô**
- (D) \$ 300,00

194. Trong email, từ "contract - thuê" trong đoạn 1, dòng 1, có nghĩa gần nhất với

- (A) giảm
- (B) thuê**
- (C) thu thập
- (D) mua hàng

195. Cô Choi nói gì về công ty xây dựng Reddford?

- (A) Cô ấy đã thuê họ cho một công việc trước đây.**
- (B) Cô ấy cần sắp xếp lại một cuộc hẹn.



- (B) She needs to reschedule an appointment with them.  
(C) She thinks that their prices are too high.  
(D) She believes that they bought too many tiles

- (C) Cô ấy nghĩ rằng giá của họ quá cao.  
(D) Cô ấy nghĩ rằng họ đã mua quá nhiều gạch

Câu A là đáp án đúng vì cô ấy đã thuê họ lắp thảm và sơn nhà khách vào năm ngoái (I really liked the job you did installing carpeting and painting in my living room *last year*).

<p><b>Cardiff Daily Times</b> In Brief-20 March As reported earlier this year, Gold Kettle Grocery is opening an additional regional distribution centre in Cardiff. Construction was postponed for a time because of an unanticipated problem related to the ground conditions on the site. However, the problem has been resolved, and the 40,000-squaremetre centre should be fully operational in June. The grand opening is planned for the fourth of June. The warehouse has a special area with state-of-the-art equipment to store foods that need to be kept frozen or cool. The site will also include loading bays and offices. The distribution centre is expected to create more than 400 new jobs, according to Myles Simler, vice president of operations. Because of the size and scope of the project, a variety of jobs will be needed, from warehouse loaders and drivers to clerical positions.</p>	<p><b>Nhật Báo Cardiff</b> Tóm tắt 20 tháng Ba Như báo cáo vào đầu năm nay, Hiệu Bách Hóa Gold Kettle sẽ mở thêm một trung tâm phân phối khu vực tại Cardiff. Việc xây dựng đã bị hoãn lại một thời gian vì vấn đề không lường trước liên quan đến tình trạng mặt đất ở công trường. Tuy nhiên, vấn đề đã được giải quyết và trung tâm rộng 40.000 mét vuông sẽ hoàn toàn sẵn sàng đưa vào hoạt động vào tháng 6. Lễ khai trương được lên lịch vào thứ tư của tháng Sáu. Nhà kho có một khu vực đặc biệt với các thiết bị hiện đại để bảo quản thực phẩm cần được giữ lạnh hoặc làm mát. Trang web cũng sẽ bao gồm các kho hoặc văn phòng tải hàng. Trung tâm phân phối dự kiến sẽ tạo ra hơn 400 việc làm mới, theo ông Myles Simler, phó chủ tịch điều hành. Do quy mô và phạm vi của dự án, sẽ cần nhiều công việc khác nhau, từ nhân viên tải kho và tài xế cho đến các vị trí văn thư.</p>
<p><b>To:</b> Myles Simler &lt;msimler@goldkettle.co.uk&gt; <b>From:</b> Raadhika Baral &lt;rbaral@goldkettle.co.uk&gt; <b>Subject:</b> Information <b>Date:</b> 26 June <b>Attachment:</b> Notification comparison Dear Myles: Thanks for giving me a lift to the grand opening earlier this month. I do not believe I have ever seen such a well-planned event. We should send Ping Chen something to show him our appreciation for organizing it. Now that the centre in Cardiff has been open for a few weeks, I think we should consider hiring a company that forwards automatic notifications to employees' mobile phones. Such a service would allow us to get messages to them quickly and also prevent mistakes with shipments. I</p>	<p><b>Đến:</b> Myles Simler &lt;msimler@goldk Âm.co.uk&gt; <b>Từ:</b> Raadhika Baral &lt;rbaral @ goldk Âm.co.uk&gt; <b>Chủ đề:</b> Thông tin <b>Ngày:</b> 26 tháng Sáu <b>Đính kèm:</b> Thông báo so sánh Gửi Myles: Cảm ơn đã cho tôi quá giang đến lễ khai trương vào đầu tháng này. Tôi không thể tin rằng tôi đã từng chứng kiến một sự kiện được lên kế hoạch tốt đến vậy. Chúng ta nên gửi Ping Chen gì đó để cho anh ấy thấy sự trân trọng đối với việc anh ấy tổ chức nó. Bây giờ trung tâm ở Cardiff đã mở được vài tuần, tôi nghĩ chúng ta nên xem xét việc thuê một công ty chuyển thông báo tự động tới di động của nhân viên. Dịch vụ như thế sẽ cho phép chúng ta nhận được tin</p>

<p>have a contact who has worked in customer service at Calls For You. I think it's a good company, but Raven Notifications also looks good, and their rates are lower. I have attached information about both companies to help you decide which one we might use. Let me know what you think.</p> <p>Sincerely, Raadhika Baral</p>	<p>nhân cho họ một cách nhanh chóng và cũng ngăn ngừa các lỗi với các đợt hàng. Tôi có một người liên hệ làm việc trong dịch vụ chăm sóc khách hàng tại Calls For You. Tôi nghĩ đó là một công ty tốt, nhưng Raven Notifications cũng có vẻ tốt và giá thành của họ rẻ hơn. Tôi đã đính kèm thông tin về cả hai công ty để giúp anh quyết định chúng ta có thể dùng công ty nào. Cho tôi biết anh nghĩ gì.</p> <p>Trân trọng, Raalika Baral</p>
--	---

<p><b>Raven Notifications 11:43A.M.</b> To Gold Kettle Employees – The frozen-goods shipment scheduled to arrive on Tuesday will not arrive until Wednesday. Employees who had volunteered to work additional hours on Tuesday night at the Cardiff distribution centre will not be needed. However, we will need additional help for the overnight shift on Wednesday night. If you are interested in working additional hours at that time, please contact Becca Johnston in Human Resources.</p>	<p><b>Raven Notifications 11:43 Sáng</b> Nhân viên Gold Kettle – Đợt hàng đông lạnh được dự kiến đến vào thứ Ba sẽ không đến cho đến thứ Tư. Nhân viên đã tình nguyện làm thêm giờ vào tối thứ ba tại trung tâm phân phối Cardiff sẽ không cần nữa. Tuy nhiên, chúng ta sẽ cần thêm trợ giúp cho ca đêm vào tối thứ Tư. Nếu bạn quan tâm đến việc làm thêm giờ vào thời gian đó, hãy liên hệ với Becca Johnston ở phòng Nhân sự.</p>
---	--

196. What is the purpose of the article?

- (A) To provide an update on a local project
- (B) To discuss state-of-the-art warehouse equipment
- (C) To report on local businesses that plan to hire more workers
- (D) To explain difficulties encountered on a construction project

Bài báo này là để tóm tắt thông tin về một dự án xây dựng ở Cardiff trước và sau khi giải quyết vấn đề (Construction was postponed for a time because of an unanticipated problem related to the ground conditions on the site. However, the problem has been resolved). Câu A là đáp án đúng nhất.

197. In the article, the word "scope" in paragraph

2, line 4, is closest in meaning to

- (A) instrument used for viewing
- (B) evaluation
- (C) time of completion
- (D) extent

Câu D là đáp án đúng vì "scope" trong cụm "scope of the project" có nghĩa tương tự với "extent" là "phạm vi/mức độ".

196. Mục đích của bài báo là gì?

- (A) Cung cấp một bản cập nhật về một dự án địa phương
- (B) Thảo luận về thiết bị nhà kho hiện đại
- (C) Báo cáo về các doanh nghiệp địa phương có kế hoạch thuê thêm nhân công
- (D) Giải thích những khó khăn gặp phải của một dự án xây dựng

197. Trong bài viết, từ "phạm vi" trong đoạn văn

2, dòng 4, có nghĩa gần nhất với

- (A) dụng cụ quan sát
- (B) đánh giá
- (C) thời gian hoàn thành
- (D) mức độ



198. What is most likely true about the Cardiff distribution center?

(A) It had a problem with food storage.

**(B) Its grand opening was successful.**

(C) Mr. Simler was recently hired there.

(D) Ms. Baral was unhappy with its service.

Cô Baral đã gửi email và khen ngợi về buổi lễ khai trương (I do not believe I have ever seen such a well-planned event) nên ta có thể hiểu đó là buổi lễ thành công.

199. What company was chosen by Mr. Simler?

(A) The company that Ms. Baral's contact works for

(B) The company with the most reliable customer-service representatives

**(C) The company that has lower rates than a competitor**

(D) The company with an overnight call center

Ở tin nhắn cuối cùng, ta có thể thấy ông Simler đã chọn Raven Notifications, mà đây cũng là công ty có giá thành thấp hơn (Raven Notifications also looks good, and their rates are lower) nên câu C là đáp án đúng.

200. What does the text message ask employees who want additional work to do?

(A) Arrive on Tuesday night

**(B) Contact the personnel office**

(C) Reply to the message with the hours they can work

(D) Go to a different distribution center

Câu B là đáp án đúng vì tin nhắn yêu cầu nhân viên muốn làm ca đêm liên lạc với người ở phòng nhân sự (If you are interested in working additional hours at that time, please **contact Becca Johnston in Human Resources**) với “personel office” đồng nghĩa với “human resources”.

198. Điều gì rất có thể đúng về trung tâm phân phối Cardiff?

(A) Có vấn đề với việc lưu trữ thực phẩm.

**(B) Khai trương của trung tâm thành công.**

(C) Ông Simler gần đây đã được thuê ở đó.

(D) Bà Baral không hài lòng với dịch vụ của họ.

199. Công ty nào được ông Simler chọn?

(A) Công ty mà bà Baral liên hệ làm việc cho

(B) Công ty có đại diện dịch vụ khách hàng đáng tin cậy nhất

**(C) Công ty có giá thấp hơn công ty đối thủ.**

(D) Công ty có một trung tâm trả lời cuộc gọi qua đêm

200. Tin nhắn yêu cầu nhân viên muốn làm thêm làm gì?

(A) Đến vào tối thứ ba

**(B) Liên hệ với phòng nhân sự**

(C) Trả lời tin nhắn vào giờ họ làm việc

(D) Đến một trung tâm phân phối khác